

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN VÀ TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ
ĐÁU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐÁU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: 2 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3936 0750 Fax: (84.4) 3934 7818

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 02 Phạm Ngọc Thạch - Kim Liên - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3 8524503 Fax: (84-4) 3 8523926

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Trụ sở chính : Số 8, Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 39288080 Fax: (84-4) 39289888

CN Tp.HCM : 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 3914.1993 Fax:(84-8) 3914.1991

Tháng 07 năm 2015

MỤC LỤC

I. DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	3
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	3
III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	5
IV. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	7
1. Những căn cứ pháp lý về đợt chào bán	7
2. Tổ chức chào bán và thông tin về cổ phần chào bán	8
V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN TRƯỚC KHI CPH.....	9
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	9
2. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp	9
3. Ngành nghề kinh doanh:.....	10
4. Cơ cấu tổ chức của VEGETEXCO VIETNAM trước khi cổ phần hóa.....	10
5. Mạng lưới hoạt động (chi nhánh, công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác)	12
6. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của VEGETEXCO VIETNAM trước CPH	18
7. Tình hình tài chính trong 03 năm trước khi chuyển đổi	25
8. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước chuyển đổi.....	27
9. Vị thế của Tổng công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	29
VI. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA.....	30
1. Thông tin về doanh nghiệp sau chuyển đổi.....	30
2. Lao động tiếp tục chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần	38
3. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp chuyển sang công ty cổ phần.....	39
4. Định hướng phát triển kinh doanh giai đoạn 2015-2017	54
5. Các lĩnh vực hoạt động trọng tâm sau cổ phần hóa	54
6. Các dự án dự kiến đầu tư sau cổ phần hóa.....	58
7. Một số biện pháp triển khai cơ bản	60
8. Một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2015 – 2017	65

I. DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.

- VEGETEXCO VIETNAM: Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV
- BVSC Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
- CPH Cổ phần hóa
- SGDCK Sở Giao dịch Chứng khoán
- ĐKKD Đăng ký kinh doanh
- CBCNV Cán bộ công nhân viên
- DNNN Doanh nghiệp nhà nước
- CTCP Công ty cổ phần
- Trđ Triệu Việt Nam đồng

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Việt Nam được đánh giá là một trong những nước đang phát triển có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định trong nhiều năm, bình quân đạt 6,6%/năm giai đoạn 2000 - 2010; 5,44%/năm giai đoạn 2010 - 2014.

Năm 2014, GDP đã tăng khoảng 5,98% – cao hơn mức tăng 5,42% năm 2013 và 5,25% năm 2012. Báo cáo của Tổng cục thống kê cho biết, cơ cấu nền kinh tế năm nay tiếp tục theo hướng tích cực: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 18,12%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,50%; khu vực dịch vụ chiếm 43,38% (Cơ cấu tương ứng của năm 2013 là: 18,38%; 38,31%; 43,31%). Nhìn chung, nền kinh tế nước ta năm 2015 có nhiều động lực tăng trưởng, tuy nhiên, vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn thách thức từ những biến động phức tạp của nền kinh tế chung của thế giới, ảnh hưởng tới đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, đồng thời tác động đến cán cân thương mại và lạm phát trong nước. Bên cạnh đó, nợ xấu của doanh nghiệp đặc biệt là của các doanh nghiệp khu vực nhà nước cũng là yếu tố cản trở tăng trưởng kinh tế trong năm 2015.

Là một Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh-xuất nhập khẩu rau quả, hoa, nông sản và thực phẩm chế biến, VEGETEXCO VIETNAM chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự tăng trưởng hoặc trì trệ của nền kinh tế quốc tế nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. Do vậy, trong tình hình kinh tế hiện nay với tăng trưởng yếu và tồn tại khá nhiều bất ổn, lĩnh vực hoạt động của VEGETEXCO VIETNAM cũng chịu ảnh hưởng nhiều.

2. Rủi ro pháp luật.

- Là doanh nghiệp Nhà nước đang chuyển đổi sang hoạt động theo loại hình Công ty cổ phần, hoạt động của VEGETEXCO VIETNAM được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản

pháp luật liên quan đến cổ phần hóa, Luật doanh nghiệp, luật thuế, quy định về công ty cổ phần...

- Sau khi chuyển đổi, VEGETEXCO VIETNAM sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần do vậy sẽ chịu thêm sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Tuy nhiên, do hệ thống luật pháp đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định cũng chưa cao nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra, điều đó có khả năng ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của doanh nghiệp.

- Rủi ro pháp lý liên quan đến các thay đổi, bổ sung các chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu, hay luật thuế. Những thay đổi trong chính sách quản lý, điều hành từ các cơ quan chủ quản sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

3. Rủi ro đặc thù.

- Sản phẩm chủ lực của Tổng công ty chủ yếu các sản phẩm rau quả, nông sản. Hiện nhà nước có chủ trương khuyến khích phát triển ngành chế biến và xuất khẩu nông sản, song nguồn hàng trong nước có chất lượng và đạt tiêu chuẩn có quy mô chưa nhiều và chịu sự tác động của tính thời vụ và thời tiết đối với sản phẩm nông nghiệp.

- Việc xuất khẩu nông sản gặp sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các nước cùng xuất khẩu, cũng như các rào cản về pháp lý và kỹ thuật của các nước nhập khẩu.

- Các sản phẩm hiện tại của Công ty mẹ Tổng công ty chủ yếu là xuất khẩu và có sử dụng cả nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu, do đó chịu ảnh hưởng lớn về biến động chính trị, biến động kinh tế, biến động giá và tỷ giá trong nước và thế giới.

- Các sản phẩm nông sản xuất khẩu có giá trị thì biến động giá phụ thuộc vào giá thế giới và thường biến động phức tạp. Các sản phẩm rau quả chế biến thường công kênh và có giá trị không cao. Chi phí nguyên vật liệu đầu vào, chi phí vận tải, chi phí nhân công thường là những chi phí chiếm tỷ trọng lớn.

- Tổng công ty có sử dụng lao động phổ thông, lao động trình độ chuyên môn nghiệp vụ cần phải có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại để đáp ứng được nhu cầu đổi mới.

4. Rủi ro đợt chào bán.

Đợt bán đấu giá cổ phần lần đầu của Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức đấu giá, tâm lý của nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn của cổ phần chào bán.

Việc chào bán cổ phần lần đầu của Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản không kèm nghiệp vụ bảo lãnh nên có thể xảy ra rủi ro tổng số lượng cổ phần được mua thấp hơn khối lượng chào bán. Khi đó số cổ phần không chào bán hết sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 40 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

Rủi ro của đợt chào bán này nếu xảy ra sẽ làm thay đổi cơ cấu vốn điều lệ thực tế của Công ty cổ phần so với cơ cấu dự kiến.

5. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên, các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của VEGETEXCO VIETNAM.

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN.

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa

• **Ban chỉ đạo cổ phần hóa:** Quyết định thành lập số 3087/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 27/12/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và các quyết định điều chỉnh bổ sung nhân sự BCĐCPH.

- Ông Hà Công Tuấn	Trưởng ban	Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Ông Đỗ Văn Nam	Phó ban thường trực	Vụ trưởng – Trưởng ban Đổi mới và Quản lý doanh nghiệp nông nghiệp (nay là Vụ Quản lý Doanh nghiệp - Bộ NN&PTNT)
- Ông Đinh Văn Hương	Phó ban	Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty.
- Đại diện Ban Đổi mới và PT DN Chính Phủ	Thành viên	
- Đại diện Bộ Tài Chính	Thành viên	Lãnh đạo và chuyên viên Cục Tài chính doanh nghiệp.
- Ông Nguyễn Văn Vũ	Thành viên	Phó Vụ trưởng Vụ quản lý doanh nghiệp - Bộ NN&PTNT
- Ông Lại Hữu Ước	Thành viên	Phó Vụ trưởng – Phó Trưởng ban Đổi mới và Quản lý doanh nghiệp nông nghiệp.
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	Thành viên Hội đồng thành viên – Tổng giám đốc Tổng công ty
- Bà Nguyễn Phương Lan	Thành viên	Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty
- Ông Bùi Khắc Hiền	Thành viên	Phó Vụ trưởng Vụ quản lý doanh nghiệp - Bộ NN&PTNT
- Ông Lê Duy Sơn	Thành viên	Chuyên viên chính Vụ quản lý doanh nghiệp - Bộ NN&PTNT
- Bà Trinh Thu Hương	Thành viên	Chuyên viên chính Vụ Quản lý doanh nghiệp - Bộ NN&PTNT

▪ Ông Đinh Văn Hương - Chức vụ: Phó Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa, Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV.

(Được ủy quyền tại văn bản số 6014/BNN-QLDN ngày 29/07/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thay mặt Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hóa ký, đóng dấu của Tổng công ty đối với toàn bộ hồ sơ đăng ký bán đấu giá cổ phần lần đầu của Tổng công ty Rau quả, nông sản).

Bản công bố thông tin này do Doanh nghiệp cổ phần hoá và Tổ chức tư vấn lập đã được Ban chỉ đạo cổ phần hoá thông qua.

2. Đại diện doanh nghiệp cổ phần hoá

- Ông Nguyễn Thanh Bình - Chức vụ: Tổng Giám đốc Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần. Bản công bố thông tin này chỉ có tính chất tham khảo, các nhà đầu tư nên tham khảo thêm Quy chế bán đấu giá, và các nguồn thông tin khác trước khi quyết định đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

3. Đại diện tổ chức tư vấn:

- Ông Nhữ Đình Hòa - Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Chúng tôi đảm bảo rằng việc xây dựng và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV cung cấp. Chúng tôi đảm bảo rằng các bước thực hiện và nội dung Bản công bố thông tin này đã tuân thủ đúng trình tự bắt buộc theo quy định của Pháp luật nhưng không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán.

IV. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Những căn cứ pháp lý về đợt chào bán

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển Công ty 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần; Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Văn bản số 2130/TTg-ĐMDN ngày 15/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015;
- Quyết định số 1976/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 20/08/2012 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc phê duyệt Phương án tái cơ cấu Tổng công ty Rau quả Nông sản-Công ty TNHH 1TV;
- Quyết định số 2780/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 25/11/2013 Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty mẹ-Tổng công ty Rau quả, Nông sản-Công ty TNHH 1TV;
- Quyết định số 3087/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 27/12/2013 Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ -Tổng công ty Rau quả, Nông sản-Công ty TNHH 1TV;
- Thông báo số 1209/QĐ-BNN-QLDN ngày 06/3/2014 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc phân công nhiệm vụ các thành viên BCĐCPH;
- Quyết định số 1063/QĐ-BNN-QLDN ngày 19/5/2014, số 3215/QĐ-BNN-QLDN ngày 21/7/2014 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc điều chỉnh, bổ sung nhân sự BCĐCPH;
- Quyết định số 34/QĐ-BNN-QLDN ngày 07/01/2014 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc thành lập TGVCPH Công ty mẹ -Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH 1TV;
- Quyết định số 916/QĐ-BNN-QLDN ngày 05/05/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành kế hoạch thực hiện nghị quyết số 15/NĐ-CP ngày 06/3/2014;
- Văn bản số 1738/BNN-QLDN ngày 03/06/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc chấp thuận dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty mẹ -Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH 1TV;
- Thông báo số 5932/TB-BNN-QLDN ngày 28/07/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT thông báo kết luận của Trưởng ban Chỉ đạo cổ phần hoá tại cuộc họp Ban chỉ đạo Cổ phần hoá Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả Nông sản;
- Quyết định số 4291/QĐ-BNN-QLDN ngày 07/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ -Tổng công ty Rau quả, Nông sản -

Công ty TNHH MTV để cổ phần hóa và Quyết định số 5467/QĐ-BNN-QLDN ngày 19/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc điều chỉnh công nợ không có khả năng thu hồi của Tổng công ty Rau quả, Nông sản - công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên để bàn giao cho Công ty Mua bán nợ Việt nam.;

- Quyết định số 636/QĐ-TTg ngày 13/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản ;

- Quyết định số 1928/QĐ-BNN-QLDN ngày 26/05/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc triển khai thực hiện Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ-Tổng công ty Rau quả, Nông sản;

- Quyết định số 59/QĐ-RQNS-HĐTV ngày 16/07/2015 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Rau quả Nông sản - công ty TNHH một thành viên về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu " Tư vấn tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu tại Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản";

- Văn bản số 6014/BNN-QLDN ngày 29/07/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc chấp thuận giá khởi điểm và một số nội dung thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu của Công ty mẹ-Tổng công ty Rau quả, Nông sản-Công ty TNHH một thành viên;

2. Tổ chức chào bán và thông tin về cổ phần chào bán.

Tên tổ chức chào bán : **CÔNG TY MẸ-TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Trụ sở chính : Số 02 Phạm Ngọc Thạch -Kim Liên - Đống Đa - Hà Nội.

Website : <http://www.vegetexcovn.com.vn>

Điện thoại : (84-4) 3 8524503.

Fax : (84-4) 3 8523926.

Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa: 713.000.000.000 đồng (Bảy trăm mười ba tỷ đồng chẵn).

Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số lượng cổ phần : **71.300.000** cổ phần.

Số cổ phần dự kiến chào bán : **27.669.800** cổ phần. tương đương **38,81%** vốn điều lệ.

Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông.

Hình thức chào bán : Chào bán cổ phần lần đầu thông qua hình thức đấu giá cạnh tranh.

Phương thức bán đấu giá cổ phần: Được quy định chi tiết tại Quy chế bán đấu giá cổ phần của Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành.

Giới hạn khối lượng đăng ký : Mỗi nhà đầu tư được phép mua với khối lượng tối thiểu **100** cổ phần và tối đa bằng tổng số lượng cổ phần chào bán là **27.669.800** cổ phần.

Giá khởi điểm bán đấu giá : **10.051** đồng/cổ phần.

Giới hạn mức giá đặt mua : Mỗi nhà đầu tư được phép đặt mua 02 mức giá.

Bước giá : 01 đồng

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA.

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.

Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH một thành viên được hình thành năm 2003 thông qua sáp nhập Tổng công ty Rau quả Việt Nam và Tổng công ty XNK Nông sản và Thực phẩm chế biến theo quyết định số 66/2003/QĐ/BNN-TCCB. Tháng 9/2005 Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - công ty con theo quyết định 2352/QĐ-BNN-ĐMDN của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Ngày 10/6/2010 Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành quyết định 1563/QĐ-BNN-ĐMDN chuyển Công ty Mẹ Tổng công ty Rau quả, Nông sản thành Công ty TNHH một thành viên.

Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH một thành viên là doanh nghiệp kinh doanh đa ngành, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là sản xuất, chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu rau quả, hoa, giống cây trồng, nông sản thực phẩm. Các sản phẩm rau quả, nông sản chế biến mang thương hiệu VEGETEXCO VIETNAM đã và đang giành được uy tín với khách hàng ở trong nước và quốc tế. Đến nay, các mặt hàng của Tổng công ty đã có mặt tại gần 60 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó những sản phẩm như dưa (cô đặc, đồ hộp, đông lạnh), điều, tiêu, rau, quả, gia vị... được khách hàng ưa chuộng tại nhiều thị trường như EU, Mỹ, Nga, Nhật Bản, Trung Quốc...

Với mục tiêu phát triển bền vững, chiến lược của Tổng công ty luôn hướng tới việc tạo ra và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ hàng hóa chất lượng và an toàn, hướng tới người tiêu dùng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI:

Sản xuất, cung cấp sản phẩm và dịch vụ rau quả, nông sản an toàn, chất lượng cao, vì người tiêu dùng để hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

2. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp .

- Tên gọi đầy đủ: **Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên**
- Tên tiếng Anh: **VIETNAM NATIONAL VEGETABLE FRUIT AND AGRICULTURAL PRODUCT CORPORATION LIMITED**
- Tên giao dịch viết tắt: **VEGETEXCO VIETNAM**
- Logo :



- Trụ sở giao dịch: Số 02 Phạm Ngọc Thạch - Kim Liên - Đống Đa - Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3 8524503
- Fax: (84-4) 3 8523926
- Email: vegetexcovn@fpt.vn
- Website: <http://www.vegetexcovn.com.vn>
- Vốn điều lệ: 400.000.000.000 đồng (*Bốn trăm tỷ đồng*)
- Tài khoản giao dịch: 1300.201.209.800 tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT-Chi nhánh Thăng Long
- Mã số thuế: 0101385740
- Giấy đăng ký kinh doanh số 0101385740 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010, sửa đổi lần 1 ngày 21/3/2011.
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH một thành viên 100% vốn Nhà nước hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con; hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu riêng.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101385740 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010, sửa đổi lần 1 ngày 21/3/2011, Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV hiện đang kinh doanh bao gồm 125 mã ngành nghề liên quan đến:

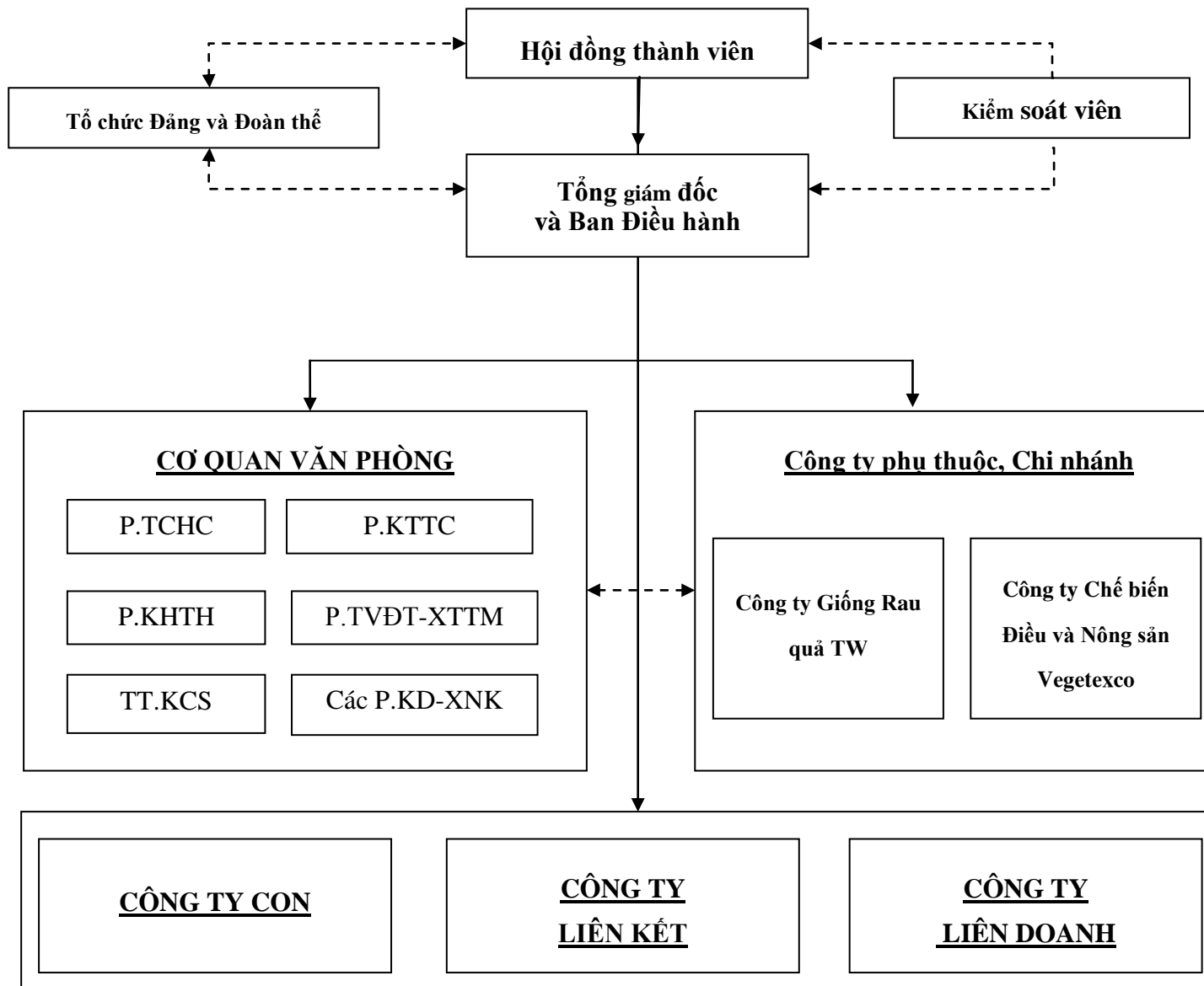
- Sản xuất nông nghiệp, chế biến, kinh doanh xuất, nhập khẩu và tiêu thụ nội địa rau, quả, nông sản, thực phẩm đồ uống; các loại giống rau, hoa, quả nhiệt đới; kinh doanh phân bón, hóa chất, vật tư, bao bì chuyên ngành rau quả, nông, lâm sản và chế biến thực phẩm; kinh doanh các sản phẩm cơ khí: máy móc, thiết bị, phụ tùng; phương tiện vận tải, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng...

- Sản xuất kinh doanh các lĩnh vực khác: giao nhận, tham gia thị trường chứng khoán; kinh doanh bất động sản; khách sạn, văn phòng cho thuê.

- Liên doanh liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, tiếp nhận và thực hiện các dự án hỗ trợ đầu tư phát triển để phát triển kinh doanh của Tổng công ty.

4. Cơ cấu tổ chức của VEGETEXCO VIETNAM trước khi cổ phần hóa

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TRƯỚC KHI CHUYỂN ĐỔI SANG CÔNG TY CỔ PHẦN



5. Mạng lưới hoạt động (chi nhánh, công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác)

5.1 Các chi nhánh (đơn vị trực thuộc)

Công ty Giống Rau quả Trung Ương:

- Địa chỉ: Số 02 Phạm Ngọc Thạch, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội.
- Điện thoại: 04-35741950 ; Fax: 04-38525042
- Tên giao dịch : VEGESEED.
- GCN Đăng ký hoạt động: 0101385740-007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 2 ngày 30/12/2010.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: tập trung vào lĩnh vực trồng trọt, sản xuất, kinh doanh giống và vật tư ; trồng trọt, sản xuất, kinh doanh hoa, kinh doanh tổng hợp , dịch vụ kho bãi ...

Công ty Chế biến Điều và Nông sản VEGETEXCO:

- Địa chỉ: Quốc lộ số 13, xã Thành Tâm, Chơn Thành, Bình Phước.
- Điện thoại: 04-35741950 ; Fax: 04-38525042
- Tên giao dịch : VEGETEXCO BINHPHUOC.
- GCN Đăng ký hoạt động: 0101385740-004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Phước cấp thay đổi lần 1 ngày 17/02/2011.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: tập trung vào lĩnh vực trồng trọt, sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, kinh doanh tổng hợp, dịch vụ kho bãi ...

5.2 Các công ty con:

Công ty TNHH ITV Xuất nhập khẩu Nông sản và Thực phẩm Hà Nội.

- Tên giao dịch: AGREXPORT HANOI CO.,LTD
- Địa chỉ : số 06 Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Vốn điều lệ : 16 tỷ đồng (100% vốn nhà nước).
- GCNĐKKD mã DN 0100101682 do Sở KH và đầu tư Hà Nội cấp sửa đổi lần 2 ngày 30/7/2011.
- Ngành nghề KD chính:
 - o SX, CB, KD và xuất nhập khẩu trực tiếp rau quả, nông, lâm, thủy hải sản, thực phẩm , đồ uống; KD tổng hợp .
 - o KD BĐS; hoạt động của các cơ sở thể thao ; dịch vụ hỗ trợ giáo dục;...
- Đơn vị đang thực hiện tái cơ cấu tài chính chuyển thành công ty cổ phần. Vì vậy đã tách giá trị phần vốn nhà nước của đơn vị ra khỏi giá trị phần vốn nhà nước

tại Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá theo thông báo số 5932/TB-BNN-QLDN ngày 28/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Theo Quyết định số 636/QĐ-TTg ngày 13/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1928/QĐ-BNN-QLDN ngày 28/5/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, đơn vị đang xây dựng phương án bán doanh nghiệp trình Bộ Nông nghiệp và PTNT quyết định phê duyệt .

Công ty TNHH 2 thành viên CHIPSGOOD – VEGETEXCO

- Tên giao dịch: CHIPSGOOD VEGETEXCO CO.,LTD
- Tên viết tắt: CHIPSGOOD.
- Địa chỉ: km30 +50m quốc lộ 5, thôn Lường, xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.
- Vốn điều lệ: 22.110.000.000 VND, Tổng công ty Rau quả, Nông sản sở hữu 90% vốn điều lệ.
- Ngành nghề KD:
 - SX, CB, KD và xuất nhập khẩu trực tiếp rau quả, nông, lâm, thủy hải sản, thực phẩm , đồ uống; các sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị, phụ tùng, phương tiện vận tải, phân bón, hóa chất, nguyên nhiên vật liệu, vật tư phục vụ chuyên ngành rau quả, nông lâm thủy sản, chế biến thực phẩm; Bao bì các loại; Hàng tiêu dùng
 - Kinh doanh vận tải và đại lý vận tải hàng hóa đa phương tiện, đa thức trong nước và quốc tế; giao nhận, kho, cảng;
 - Kinh doanh các lĩnh vực khác : BĐS, Du lịch, khách sạn, ...

5.3 Công ty liên kết:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đ)	Tỷ lệ vốn Tổng công ty nắm giữ (%)	Lĩnh vực sxkd chính	Ghi chú (cập nhật mới so với PA-CPH)
1	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau quả I.	Số 389 Trương Định, Hoàng Mai, Hà Nội	30,16	19,50	SX, CB, KDXNK rau quả nông sản, tổng hợp	
2	Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu	Số 46 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	7,50	35,00	KD-XNK vật tư, TM tổng hợp	
3	Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VITRANIMEX	Số 4 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	20,28	35,00	Vận tải và đại lý vận tải, kinh doanh thương mại	
4	Công ty Cổ phần Xây dựng và sản xuất vật liệu	Số 57 Hàng Chuối, Hai Bà Trưng, Hà Nội	3,00	36	Xây dựng nông nghiệp và PTNT, thương mại	
5	Công ty Cổ phần XNK nông lâm sản Chế biến	25 Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	6,00	19,82	sản xuất giống, cây lâm nghiệp; TM tổng hợp	
6	Công ty Cổ phần Vian	Xã Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	12,00	14,57	SX, KD bia và nước giải khát	
7	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau quả Hải Phòng	Số 5 Lê Thánh Tông, TP. Hải Phòng	6,00	18,825	SX, CB, KDXNK rau quả nông sản, tổng hợp	
8	Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Hưng Yên	Đường Hoàng Hoa Thám, An Tảo, T.X Hưng Yên	120,00	1,05	SX, CB, KDXNK rau quả nông sản, KD BDS	

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

9	Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao	Trung Sơn, Tam Điệp, Ninh Bình	40,00	34,16 (tại thời điểm XĐGTN)	SX, CB, KDXNK rau quả nông sản, tổng hợp	Đầu năm 2015 đã thực hiện thoái vốn, tỷ lệ vốn TCTY còn lại là 10% VDL
10	Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Bắc Giang	Phượng Sơn, Lục Ngạn, Bắc Giang	12,00	35,00	SX, CB, KDXNK rau quả nông sản, tổng hợp	
11	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau quả Thanh Hóa	37 Bà Triệu, TP Thanh Hóa	6,00	35,00	SX, CB, KDXNK rau quả nông sản, tổng hợp	Đầu năm 2015 Cty đang thực hiện phương án tăng VDL lên 10 tỷ đồng, TCTY đang bán đấu giá quyền mua cp được mua thêm từ đợt tăng VDL này
12	Công ty Cổ phần Nông lâm sản Hà Tĩnh	KCN Vũng Áng, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	1,20	18,33	SX, CB, KDXNK rau quả nông lâm sản, tổng hợp	
13	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau quả	24 Trương Định, P6, Q3, TPHCM	15,50	44,88	SX, CB, KDXNK rau quả nông sản, tổng hợp	
14	Công ty Cổ phần Cảng Rau quả	Số 1 đường Nguyễn Văn Quỳ, P Phú Thuận, Q7, TPHCM	82,15	38,43	KD XNK TM tổng hợp, dịch vụ cảng	
15	Công ty Cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Tân Bình	Số 111 Trường Chinh, P.Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TPHCM	100,00	20,00	KD XNK TM tổng hợp, bất động sản	
16	Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ xuất nhập khẩu Sài Gòn		12,50	29,72	SX, CB, KDXNK nông sản, tổng hợp	

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

17	Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	18 Lũy Bán Bích, P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, TPHCM	106	38,89	KD XNK TM tổng hợp; in và bao bì sắt	
18	Công ty Cổ phần XNK hạt Điều và hàng Nông sản thực phẩm TP HCM	458B Nguyễn Tất Thành, Q4, TPHCM	18,00	25,00	SX, CB, KDXNK nông sản, tổng hợp	
19	Công ty Cổ phần Rau quả Tiền Giang	Km1977-QL1, Long Định, Châu Thành, Tiền Giang	20,00	10,00	SX, CB, KDXNK rau quả nông sản, tổng hợp	
20	Công ty Cổ phần Thực phẩm và Nước giải khát Dona Newtowner	Lô 234 đường AMATA, KCN AMATA, Long Bình, TP Biên Hòa, Đồng Nai	128,68	32,36	SX, CB, KDXNK rau quả nông sản, nước giải khát, tổng hợp	
21	Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Kiên Giang	21 Ngô Thời Nhiệm, An Bình, Rạch Giá, Kiên Giang	25,00	6,0	SX, CB, KDXNK rau quả	

5.4 Công ty liên doanh:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn Tổng công ty (%)	Lĩnh vực sxkd chính
1	Công ty Hộp sắt TOVECAN	Lô A60/I-A61/II đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TPHCM	4,57 Triệu USD	22,64	SX bao bì hộp sắt
2	Công ty Liên doanh TNHH CROWN Hà Nội	Km24-QL1A, xã Quất Động, Thường Tín, Hà Nội	24,8 Triệu USD	14,40	SX bao bì lon nhôm
3	Công ty Liên doanh TNHH LUVECO.	Số 8 đường Thanh Bình, Hạ Long, Nam Định	35 Tỷ đồng	45,00	SX, CB, KDXNK rau quả. SX hộp sắt.

6. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của VEGETEXCO VIETNAM trước CPH.

6.1 Sản phẩm dịch vụ và một số chỉ tiêu chủ yếu qua các năm

❖ Các sản phẩm dịch vụ chính của VEGETEXCO VIETNAM

Các sản phẩm dịch vụ chính của Công ty mẹ Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV gồm:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu rau quả, nông sản, tổng hợp;
- Sản xuất, chế biến nông sản.

Một số hình ảnh về sản phẩm của Tổng công ty



Flowers & VEGETABLE SEEDS

FLOWERS

Cymbidium Gigantum Wll.ex Lindle Chrysanthemum Dalat Cymbidium

Dalat Cymbidium Phalaenopsis Gladiolus Communis

VEGETABLE SEEDS

No.	Item	Germination(%)	Purity (%)	Moisture (%)
1	Hagiang Kohlrabi Seed	≥ 85	≥ 98	≤ 9
2	Leaf Mustard Seed	≥ 85	≥ 85	≤ 9
3	Bac Ha Cabbage See	≥ 85	≥ 85	≤ 9
4	Hanoi Radish Seed	≥ 85	≥ 85	≤ 9
5	Haiphong Lettuce Seed	≥ 85	≥ 85	≤ 9
6	Head Mustard Seed	≥ 85	≥ 85	≤ 9
7	Rice Seed	≥ 80	≥ 99	≤ 13.5
8	Hybrid Corn Seed	≥ 87	≥ 99	≤ 11

Hoa và Hạt giống rau



CASHEW KERNEL

No.	Item	Specifications
1	- Grade WW240	220-240 count/lb Moisture: 5% max Packing: in PE bag or tin box, 11.34kg/box 2 boxes/carton, 700 cartons/20'container.
2	- Grade WW320	300-320 count/lb Moisture: 5% max Packing: in PE bag or tin box, 11.34kg/box 2 boxes/carton, 700 cartons/20'container.
3	- Grade WW450	400-450 count/lb Moisture: 5% max Packing: in PE bag or tin box, 11.34kg/box 2 boxes/carton, 700 cartons/20'container.
4	- Grade LBW 320	Quality: AFI specification 4/1999 Packing: in PE bag or tin box, 11.34kg/box 2 boxes/carton, 700 cartons/20'container.
5	- Grade WS	Quality: AFI specification 4/1999 Packing: in PE bag or tin box, 11.34kg/box 2 boxes/carton, 700 cartons/20'container.
6	- Grade LP	Quality: AFI specification 4/1999 Packing: in PE bag or tin box, 11.34kg/box 2 boxes/carton, 700 cartons/20'container.

Hạt điều



CANNED PINEAPPLE

PINEAPPLE CONCENTRATE

No.	Item	Weight	Box No.	Unit No.	Packing
7	Pineapple Pieces	Net: 800g Grossed: net 12%	10-18	02.04	12/20
8	Pineapple Pieces in Natural Juice Slice	Net: 800g Grossed: net 12%	10-18	02.04	12/20
9	Pineapple Pieces in Spring Juice	Net: 500g Grossed: net 12%	10-18	02.04	12/20
10	Pineapple Pieces in Natural Juice Slice	Net: 500g Grossed: net 12%	10-18	02.04	12/20
11	Pineapple Pieces in Spring Juice	Net: 500g Grossed: net 12%	10-18	02.04	12/20
12	Pineapple Pieces in Natural Juice Slice	Net: 500g Grossed: net 12%	10-18	02.04	12/20

Sản phẩm dựa chế biến các loại



OTHER PROCESSED VEGETABLE & FRUIT PRODUCTS

OTHER PROCESSED VEGETABLE & FRUIT PRODUCTS

Vegetex Vietnam supplies a wide range of canned, pickled, concentrated products such as: Cabbage Core, Beans/soybean, Mungbean, Fruit juice and Fruit pulp, etc...

No.	Item	Weight	Box No.	Unit No.	Packing
1	Canned Green Beans	Net: 400g Grossed: net 12%	10-18	02.04	12/20
2	Canned Soybean	Net: 400g Grossed: net 12%	10-18	02.04	12/20
3	Canned Mungbean	Net: 400g Grossed: net 12%	10-18	02.04	12/20
4	Canned Cabbage Core	Net: 400g Grossed: net 12%	10-18	02.04	12/20
5	Canned Fruit Pulp	Net: 400g Grossed: net 12%	10-18	02.04	12/20

Một số sản phẩm rau quả chế biến khác



Pickled Cucumber 1440ml
Length: 6-9 cm
Weight: - Net: 1380 gr
- Drained: min 52%

PICKLED CUCUMBERS
There are varieties of pickled cucumbers being supplied by Vegetexco Vietnam

Pickled Baby Cucumber 720ml
Length: 5-8cm
Weight: - Net: 680 gr
- Drained: min 52%

Pickled Baby Cucumber 720ml
Length: 3-6cm
Weight: - Net: 680 gr
- Drained: min 52%

Pickled Baby Cucumber 560ml
Length: 3-6cm
Weight: - Net: 540 gr
- Drained: min 52%

Sản phẩm dưa chuột chế biến các loại



OTHER SPICES & AGRICULTURAL PRODUCTS

No.	Item	Specifications
1	Robusta Coffee	Screen 16: 90% min Moisture: 12.2% - 13% max Foreign Matter: 0.5% - 1% max Excess: 1% max Break: 2% max for grade 1 3% max for grade 2
2	Groundnut kernel	Moisture: 9% max Foreign Matter: 1% max
3	Tapioca	
	Tapioca Starch	Grade: new crop Moisture: 13% max Starch: 85% min PH: 6-7 Ashes: 0.2% max
	Tapioca chip	Moisture: 14% max Foreign Matter: 1% max Starch: 70% min Fibre: 5% max
4	Pearl Barley Semen	Moisture: 13% max Foreign Matter: 1% max
5	Dried Lychee	As per sample
6	Black Pepper	Grade: S00gr/L Moisture: 13.2% max Foreign Matter: 1% max Packing: 50kg/bag
7	Star Anisi without stem	Grade: new crop Moisture: 13.5% max Foreign Matter: 1% max Break: 10% max Diameter: 2.5cm up (80% min) Packing: 20kg/carton
8	Cinnamon in tube /Spiced Cinnamon /Broken Cinnamon /Cinnamon Powder	Grade: new crop Moisture: 13% max Foreign Matter: 1% max Oil Content: 1 - 5% min
9	Annoni Semen	Moisture: 14% max Foreign Matter: 1% max Packing: 20kg/bag
10	Dried Ginger /Ginger Powder	As per sample
11	Dried Turmeric /Turmeric Powder	As per sample
12	Cardamom	As per sample
13	Desiccated Coconut	As per sample
14	Soft dried Banana	As per sample
15	Vietnamese Jasmine Rice /Vietnamese Round Rice /Vietnamese Medium Rice /Vietnamese Long Grain White Rice 5%	As per sample

Một số sản phẩm gia vị và nông sản

❖ Một số chỉ tiêu chủ yếu của Công ty mẹ qua các năm:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	6 tháng 2015
1	Kinh doanh XNK	USD	24.057.394	17.667.817	14.714.065	6.192.285
	Xuất khẩu	USD	19.363.431	14.661.676	10.680.674	4.417.785
	Nhập khẩu	USD	4.693.963	3.006.140	4.033.392	1.774.500
2	Giá trị sản xuất	trđ	26.244	29.433	23.411	12.998
	Sản lượng sản phẩm chính (điều nhân)	Tấn	729	818	650	361
3	Tổng doanh thu	trđ	540.195	452.151	353.755	137.911
	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	trđ	454.364	371.030	302.259	102.543

Nguồn: VEGETEXCO VIETNAM

Đóng góp vào cơ cấu doanh số về bán hàng và cung cấp dịch vụ là từ việc sản xuất và kinh doanh một số sản phẩm chính như: chế biến và kinh doanh hạt điều; sản xuất và kinh doanh hạt giống, hoa; kinh doanh XNK rau quả, nông sản; và kinh doanh - xuất

nhập khẩu tổng hợp như máy xây dựng, hàng tiêu dùng ...

Bổ sung bảng cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm (chia theo các hoạt động tương ứng với cơ cấu doanh thu nói trên)

6.2 Nguyên vật liệu.

❖ Nguồn nguyên vật liệu;

Công ty mẹ Tổng công ty có 2 đơn vị trực thuộc có hoạt động trực tiếp sản xuất và kinh doanh hạt giống và chế biến nông sản là Công ty chế biến điều và nông sản Vegetexco (Vegetexco BinhPhuoc), Công ty Giống rau quả Trung ương (Vegeseed). Nguồn nguyên liệu chủ yếu cho hoạt động sản xuất chế biến của các công ty này là hạt điều, hạt giống rau, giống nông sản và hoa.

- Vegetexco BinhPhuoc thu mua hạt điều trong nước (tập trung tại địa bàn tỉnh Bình Phước và các vùng lân cận) và nhập khẩu nguyên liệu khô từ các nước xuất khẩu điều thuộc khu vực châu Phi, Qua nhiều năm kinh doanh uy tín, công ty đã có những bạn hàng và chân hàng cung cấp ổn định.

Các năm gần đây, do thời tiết lạnh khô kéo dài, sản lượng thu hoạch trong nước giảm và giá nguyên liệu thường đứng ở mức cao trong khi nhu cầu điều nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu cao nên lượng điều nhập khẩu liên tục tăng. Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 6 tháng đầu năm 2015, các doanh nghiệp xuất khẩu 150 ngàn tấn điều nhân, kim ngạch đạt 1,08 tỷ USD, tăng 14% về khối lượng và tăng 28,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014. Giá nhân điều xuất khẩu bình quân 5 tháng đầu năm 2015 đạt 7.080 USD/tấn, tăng 11,64% so với cùng kỳ năm 2014. Cũng trong 6 tháng đầu năm 2015, đang trong mùa thu hoạch điều nhưng các doanh nghiệp Việt Nam phải nhập khẩu 414 ngàn tấn điều nguyên liệu, trị giá 527 triệu USD, tăng 73,12% về khối lượng và gấp 02 lần về giá trị.

Để thực hiện Kế hoạch 2015 là sản xuất đạt công suất 720 tấn nhân điều/năm và kinh doanh điều thô và điều nhân, Vegetexco BinhPhuoc đã tiến hành thu mua trong nước 700 tấn hạt điều và ký hợp đồng nhập khẩu trên 3.000 tấn điều nguyên liệu. Khó khăn năm nay các doanh nghiệp kinh doanh điều nói chung và Vegetexco BinhPhuoc nói riêng gặp phải là điều nguyên liệu trong nước chất lượng tốt nhưng giá đứng ở mức cao, và chất lượng hạt điều nguyên liệu nhập khẩu năm nay thấp hơn các năm trước sẽ ảnh hưởng đến giá thành và chất lượng sản phẩm đầu ra.

- Nguồn nguyên liệu đầu vào của Vegeseed thực hiện thông qua việc đơn vị tự tổ chức sản xuất hạt giống, hoa và tổ chức thu mua trong nước và từ nguồn nhập khẩu. Năm 2015, kế hoạch công ty sẽ tổ chức mở rộng vùng sản xuất hạt giống rau lên 350ha, giống nông sản là 35ha tại các tỉnh Hải phòng, Nam Định, Thái Bình, ... và nhập khẩu kinh doanh hạt giống, hoa từ một số nước như Thái Lan, Trung quốc, ...

Là đơn vị có truyền thống sản xuất kinh doanh giống rau, uy tín và thương hiệu của công ty đã được khẳng định. Ngoài việc tự tổ chức sản xuất tại Trung tâm sản xuất của công ty tại Thường Tín-Hà Nội và các vùng do công ty đầu tư sản xuất, công ty đã xây dựng được những bạn hàng và chân hàng cung cấp ổn định. 06 tháng đầu năm 2015 Vegeseed đã sản xuất, thu mua và chế biến trên 150 tấn hạt giống, đồng thời chuẩn bị hàng hóa cho gói thầu dự trữ quốc gia.

❖ Sự ổn định của các nguồn cung cấp:

- Nguồn hàng đầu vào kinh doanh xuất khẩu của Công ty mẹ là các sản phẩm nông sản chế biến được các đơn vị trực thuộc tổ chức sản xuất, hoặc đặt hàng từ các đơn vị thành viên, các nhà cung cấp uy tín có quan hệ truyền thống với Tổng công ty. Nguồn hàng đạt được sự ổn định về cam kết chất lượng, song về số lượng cũng phụ thuộc vào tình hình thị trường chung và kế hoạch/năng lực sản xuất của nhà cung ứng.

- Vegeseed và Vegetexco BinhPhuoc đều là các đơn vị có thâm niên hoạt động và có uy tín trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh. Trải qua nhiều giai đoạn khó khăn nhưng vẫn duy trì được hoạt động sản xuất ổn định. Sự ổn định trong hoạt động đã tạo sự tin tưởng cho các nhà cung cấp và khách hàng. Các đơn vị đều tạo dựng được các nhà cung cấp truyền thống ở trong và ngoài nước để tạo sự ổn định về nguồn nguyên liệu và luôn tìm kiếm thêm các nhà cung ứng mới để đa dạng hóa giá đầu vào cho sản xuất kinh doanh. Ngoài việc duy trì nguồn hàng qua nhà cung cấp trung gian, các công ty đều kết hợp tự tổ chức sản xuất, thu mua, và ký hợp đồng trực tiếp với nhà cung cấp trực tiếp để đa dạng nguồn cung cấp, chủ động và giảm chi phí trung gian.

❖ Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận.

- Nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu giá thành sản phẩm của doanh nghiệp, do đó chất lượng và giá cả nguyên vật liệu thật sự có ảnh hưởng lớn đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Về hạt điều, sản lượng điều nguyên liệu trong nước hạn chế và không đáp ứng được nhu cầu chế biến của các nhà máy, từ đó dẫn đến mất cân đối cung - cầu nguyên liệu trong nước và phải nhập khẩu. Các năm gần đây giá điều xuất khẩu có chiều hướng tăng so với những năm trước, song giá thu mua nguyên liệu trong nước và giá nguyên liệu nhập khẩu cũng tăng rất mạnh, có những thời điểm ảnh hưởng mạnh đến kế hoạch sản xuất và tăng lượng hàng tồn kho. Thêm vào đó, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất khác các năm gần đây cũng liên tục tăng làm ảnh hưởng đến giá đầu ra của sản phẩm.

- Về hoa và hạt giống: nguyên liệu đầu vào tự sản xuất một phần, nhập khẩu một phần. Giá cả biến động phụ thuộc nhiều vào thời tiết, thời vụ và tỷ giá,... Xu hướng các năm gần đây giá nguyên liệu đầu vào cho các sản phẩm này cũng tăng.

- Để hạn chế tránh các ảnh hưởng tăng chi phí, Doanh nghiệp luôn duy trì tốt mối

quan hệ với các nhà cung ứng, có chính sách mua hàng linh hoạt, tích cực tìm kiếm thêm nguồn cung ứng khác để bình quân giá sao cho giá đầu vào là tối ưu nhất.

6.3. Chi phí sản xuất

Nhìn chung, chi phí sản xuất của VEGETEXCO VIETNAM còn tương đối cao với các Doanh nghiệp khác trong ngành. Cơ cấu chi phí tập trung vào giá vốn và chi phí quản lý doanh nghiệp. VEGETEXCO VIETNAM đã kiểm soát chi phí bằng việc xây dựng định mức sản xuất, tuyên truyền và thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí trong cả sản xuất và quản lý.

Các yếu tố chính trong cơ cấu chi phí của Công ty mẹ được thể hiện ở bảng sau:

KHOẢN MỤC	2012		2013		2014		6T/2015	
	Giá trị (nghìn đồng)	%/ Doanh thu thuần	Giá trị (nghìn đồng)	%/ Doanh thu thuần	Giá trị (nghìn đồng)	%/ Doanh thu thuần	Giá trị (nghìn đồng)	%/ Doanh thu thuần
Giá vốn hàng bán	428.387.774	94,28%	362.260.613	97,64%	273.483.870	90,48%	93.760.412	91,44%
Chi phí tài chính	11.145.292	2,45%	7.811.631	2,11%	3.410.631	1,13%	687.529	0,67%
Chi phí bán hàng	14.415.070	3,17%	11.418.377	3,08%	10.259.427	3,39%	3.196.929	3,12%
Chi phí QLDN	42.597.848	9,38%	27.187.019	7,33%	35.947.532	11,89%	17.393.997	16,96%
Tổng cộng	496.545.984		408.677.640		323.101.460		115.038.867	

Nguồn: Trích Báo cáo kiểm toán Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV năm 2012, 2013, 2014 và BCTC 6T/2015.

Qua bảng số liệu trên, có thể thấy tổng mức chi phí của Tổng công ty giảm dần qua các năm từ mức 496 tỷ năm 2012 xuống còn 323 tỷ năm 2014, mức giảm chi phí được thực hiện đều ở tất cả các khoản mục như chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, điều này cho thấy nỗ lực của Tổng công ty trong việc tiết giảm chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Mức giảm lớn nhất được ghi nhận ở khoản mục giá vốn hàng bán, điều này là do trong những năm gần đây, tình hình sản xuất kinh doanh hạt điều và kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp gặp nhiều khó khăn dẫn đến tổng mức doanh thu trên hoạt động này giảm do đó khoản mục giá vốn hàng bán cũng giảm tương ứng.

6.4. Trình độ công nghệ

Tổng công ty đã sớm có kinh nghiệm làm việc với các đối tác nước ngoài qua các dự án đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu chuyên canh, đầu tư mua sắm cho các cơ sở sản xuất các thiết bị, máy móc và công nghệ chế biến rau quả, nông sản tiên tiến hiện đại của các nước như: Đức, Ý, Pháp, Nga... tuy nhiên đến nay cũng cần thiết phải đổi mới nhiều để bắt kịp với các công nghệ mới cho ra các sản phẩm mới và có giá trị gia tăng cao mà lại tiết kiệm hiệu quả trong chi phí sản xuất. Về công nghệ của nhà máy chế biến điều nhân thuộc Công ty Chế biến điều và nông sản Vegetexco - Chi nhánh Tổng công ty tại Bình Phước do đầu tư từ khá sớm đã cũ kỹ lạc hậu nên đến nay cần thiết chuyển đổi sang công nghệ mới cho sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường. Công ty cũng đã có kế hoạch cho việc chuyển đổi công nghệ chế biến điều từ chao sang hấp, bổ sung các máy móc thiết bị để giảm sự phụ thuộc vào lao động thủ công thời vụ, tăng năng suất và chất lượng, bổ sung các máy móc thiết bị để đa dạng thêm các sản phẩm chế biến từ điều nhân.

Ngoài ra, đội ngũ cán bộ của Tổng công ty không ngừng tìm tòi, nghiên cứu những ứng dụng khoa học công nghệ mới nhằm áp dụng vào quá trình sản xuất góp phần nâng cao hiệu quả năng suất. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật chủ yếu phục vụ các cơ sở sản xuất, đơn vị trực thuộc và đơn vị thành viên, qua quá trình chuyển đổi hiện tại Văn phòng Công ty mẹ chủ yếu là lao động quản lý và kinh doanh.

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Tổng công ty quan tâm đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Những hoạt động chính trong lĩnh vực này bao gồm:

- + Quan tâm và Đầu tư xây dựng Hệ thống quản trị nội bộ của Tổng công ty. Hoàn thiện hệ thống quy trình quy định, tổ chức. Ứng dụng công nghệ vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý.
- + Quan tâm đến việc kiểm định và nghiên cứu phát triển sản phẩm. Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật, ứng dụng thiết thực với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tổng công ty đang có kế hoạch nâng cấp Trung tâm KCS của Tổng công ty và Phòng kiểm nghiệm giống của Công ty giống rau quả TW để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và phải chủ động trong sản xuất kinh doanh.
- + Mua sắm, trang bị bổ sung các MMTB để đa dạng thêm các sản phẩm chế biến từ điều nhân. Nghiên cứu đầu tư dây chuyền phục vụ chế biến hạt giống. Khảo nghiệm và phục tráng một số loại giống rau quả, nhân giống hoa lan kinh doanh nội tiêu.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- ❖ Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng;
 - Hiện tại Tổng công ty ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008; sở hữu thương hiệu "Vegetexco Vietnam" và "Chipsgood"; các đơn vị liên kết hoạt động tốt với các thương hiệu sản phẩm uy tín như: "Nature",

"Crown", "MCP", "Vegetigi", "Tovecan", "Vitranimex",... Cơ sở sản xuất chế biến nông sản đạt các chứng chỉ quốc tế được công nhận như: HACCP, KOSHER, BRC và SA 8000..v..v..

- Trong sản xuất kinh doanh VEGETEXCO VIETNAM luôn quan tâm đảm bảo chất lượng sản phẩm cũng như chất lượng dịch vụ. Với nhận thức đó VEGETEXCO VIETNAM đã đưa hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 vào áp dụng.

❖ **Hệ thống kiểm tra chất lượng của Tổng công ty.**

Hiện tại Tổng công ty có Trung tâm KCS có chức năng kiểm tra sản phẩm trước khi tiến hành xuất khẩu. VEGETEXCO VIETNAM luôn quan tâm đến việc thiết lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với ngành nghề nông sản trong đó tập trung vào các mục tiêu chính sau:

- Đảm bảo kiểm soát và duy trì chất lượng các sản phẩm phù hợp với những yêu cầu của khách hàng, các quy định của nhà nước và các quy định của VEGETEXCO VIETNAM.
- Cố gắng cải tiến và nâng cấp thiết bị công nghệ.
- Sự phát triển bền vững của VEGETEXCO VIETNAM luôn gắn với lợi ích của khách hàng, không ngừng nâng cao lợi ích cho cán bộ công nhân viên.

Để thực hiện tốt mục tiêu đề ra, VEGETEXCO VIETNAM đã duy trì quan điểm hệ thống chất lượng lấy khách hàng và sự phát triển bền vững trong kinh doanh là trung tâm. VEGETEXCO VIETNAM đã thực hiện các giải pháp để công tác quản lý chất lượng luôn đáp ứng những yêu cầu của khách hàng. Các sản phẩm do VEGETEXCO VIETNAM tạo ra được sự chấp thuận tốt của các khách hàng trong và ngoài nước, chất lượng sản phẩm không ngừng nâng cao và ổn định.

6.7. Hoạt động Marketing

Trong quá trình hình thành và phát triển, Tổng công ty đã xây dựng, củng cố thương hiệu và uy tín trên thị trường, được các khách hàng quốc tế tin nhiệm. Tổng công ty thường xuyên có các hoạt động xúc tiến thương mại tại các hội chợ quốc tế lớn và uy tín trong lĩnh vực chuyên ngành thực phẩm như: SIAL (Pháp), ANUGA (Đức) và FOODEX (Nhật), Moscow (Nga),... ; gần đây phát triển tới thị trường Trung Đông và quan tâm hơn đến thị trường nội tiêu.

Ngoài các hoạt động xúc tiến thương mại quốc tế, Tổng công ty cũng thường xuyên tham gia các hội chợ và các buổi gặp gỡ giao thương tại Việt Nam, tham gia các hiệp hội ngành hàng, quảng bá hình ảnh và giao dịch thông qua website của Tổng công ty và các sàn/trang giao dịch điện tử.

Mục tiêu của Tổng công ty là đẩy mạnh công tác marketing không ngừng mở rộng thị trường, thị phần cho VEGETEXCO VIETNAM, khuyến khích cán bộ tìm kiếm

khách hàng cho Tổng công ty. Ngoài ra Tổng công ty cũng quan tâm tới bộ phận nghiên cứu và phát triển thị trường. Tăng cường quảng bá thương hiệu VEGETEXCO VIETNAM cả trong và ngoài nước.

7. Tình hình tài chính trong 03 năm trước khi chuyển đổi

7.1 Tình hình tài sản, nguồn vốn:

Đơn vị tính: 1.000 Đồng

STT	Chỉ tiêu	2012	2013	2014	6T/2015
1	Tài sản ngắn hạn	309.931.793	319.244.412	297.065.860	320.051.782
	Tiền và các khoản tương đương tiền	35.080.494	24.187.276	147.390.634	158.936.838
	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	78.327.200	120.060.530	0	5.000.000
	Các khoản phải thu ngắn hạn	82.662.729	81.768.498	94.241.559	87.526.620
	Hàng tồn kho	103.569.555	80.773.275	43.232.753	65.864.019
	Tài sản ngắn hạn khác	10.291.815	12.454.833	12.200.914	2.724.302
2	Tài sản dài hạn	287.632.040	290.572.839	286.636.051	278.725.641
	Tài sản cố định	33.535.527	33.661.868	31.841.375	33.594.964
	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	254.096.512	256.901.967	254.794.677	245.130.676
	Tài sản dài hạn khác	0	9.003	0	0
Tổng tài sản		597.563.834	609.817.251	583.701.912	598.777.423

Nguồn: Trích Báo cáo kiểm toán Công ty mẹ Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV 2013, 2014 và báo cáo tài chính 6T/2015.

Căn cứ Quyết định số 636/QĐ-TTg ngày 13/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1928/QĐ-BNN-QLDN ngày 28/5/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, thì công ty con của VEGETEXCO VIETNAM là Công ty TNHH 1 TV Xuất nhập khẩu Nông sản và Thực phẩm Hà Nội sẽ phải xây dựng phương án bán doanh nghiệp trình Bộ Nông nghiệp và PTNT quyết định phê duyệt. Do đó số liệu tài chính trong bản công bố thông tin là số liệu báo cáo tài chính Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV, không phải là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất.

7.2 Tình hình công nợ

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	2012	2013	2014	6T/2015
A. Các khoản phải thu	82.662.729	81.768.498	94.241.559	87.526.620
1. Phải thu của khách hàng	33.599.265	28.019.161	44.960.240	24.514.506
2. Trả trước cho người bán	1.983.875	2.870.839	2.419.178	13.572.677
3. Các khoản phải thu khác	70.563.445	75.244.405	63.377.265	62.764.691
Trong đó phải thu khó đòi	23.483.857	24.365.908	16.515.125	16.515.125
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(23.483.857)	(24.365.908)	(16.515.125)	(16.515.125)
5. Phải thu vay ngắn hạn	-	-	-	64.445
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-	-	3.125.424
B. Các khoản phải trả	103.638.537	102.432.928	67.095.023	62.520.898
I. Nợ ngắn hạn	103.638.537	102.432.928	67.095.023	62.520.898
1. Vay và nợ ngắn hạn	41.743.601	45.355.434	10.587.540	30.923.923
Trong đó nợ quá hạn	0	0	0	0
2. Phải trả cho người bán	19.344.479	8.037.387	14.779.576	5.537.942
3. Người mua trả tiền trước	3.260.779	1.314.582	186.035	1.946.249
4. Thuế và các khoản phải nộp NN	7.501.286	32.094.284	18.844.829	7.585.153
5. Phải trả người LĐ	19.877.993	5.499.227	6.635.300	1.273.991
6. Chi phí phải trả	812.743	908.757	1.230.171	1.892.419
7. Phải trả nội bộ	28.024	-	-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.224.727	1.130.332	1.397.629	961.354
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	6.844.902	8.092.926	13.433.946	12.399.864
II. Nợ dài hạn	-	-	-	-

Nguồn: Trích Báo cáo kiểm toán Công ty mẹ Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV 2012, 2013, 2014 và Báo cáo tài chính 6T/2015.

Đối với các khoản nợ không có khả năng thu hồi, Tổng công ty đều đã tiến hành trích lập dự phòng. Công nợ không có khả năng thu hồi của Tổng công ty Rau quả, Nông sản - công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên bàn giao cho Công ty Mua bán nợ Việt nam theo Quyết định số 4291/QĐ-BNN-QLDN ngày 07/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV để cổ phần hóa và Quyết định số 5467/QĐ-BNN-QLDN ngày 19/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Tổng giá trị khoản này là 24.438.809.585 đồng.

7.3 Số dư các quỹ

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	2012	2013	2014	6T/2015
I. Vốn chủ sở hữu	493.925.296	507.384.324	516.606.888	536.256.525
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	391.522.039	391.772.039	391.772.039	391.772.039
2. Quỹ đầu tư phát triển	57.990.080	71.010.518	80.046.565	80.046.565
3. Quỹ dự phòng tài chính	28.564.611	28.564.611	28.564.611	28.564.611
4. Lợi nhuận sau thuế chưa pp	0	0	0	19.649.637
5. Nguồn vốn đầu tư XDCB	3.141.633	3.141.633	3.141.633	3.141.633
6. Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	12.706.933	12.895.523	13.082.041	13.082.041
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	0	0	0	0
Cộng	493.925.296	507.384.324	516.606.888	536.256.525

Nguồn: Trích Báo cáo kiểm toán Công ty mẹ Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV 2012, 2013, 2014 và Báo cáo tài chính 6T/2015.

Số dư lợi nhuận sau thuế năm 2012 bằng 0 đồng là do lợi nhuận sau thuế đã được trích lập cho các Quỹ theo quy định, phần còn lại được hạch toán tăng vốn Nhà nước. Kể từ năm 2013 đến năm 2014, lợi nhuận sau thuế đã được trích lập cho các Quỹ theo quy định, phần còn lại phải nộp trả Ngân sách Nhà nước theo quy định mới. Do đó số dư lợi nhuận sau thuế các năm 2012, 2013, 2014 đều bằng không.

8. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước chuyển đổi

8.1 Một số chỉ tiêu chủ yếu 03 năm trước chuyển đổi

Đơn vị tính: 1.000.000 đồng

TT	Chỉ tiêu	2012	2013	2014	6T/2015
1	Tổng tài sản	597.563	609.817	583.701	598.777
2	Vốn Nhà nước theo sổ sách kế toán	493.925	507.384	516.606	536.256
3	Tổng doanh thu	540.193	452.150	353.754	137.911
4	Tổng chi phí	497.690	408.749	323.635	115.361
5	Lợi nhuận trước thuế	42.554	43.401	30.120	19.649

TT	Chỉ tiêu	2012	2013	2014	6T/2015
6	Lợi nhuận sau thuế	42.554	43.401	30.120	19.649
7	Tỷ lệ LNST/Vốn nhà nước	8,62%	8,55%	5,83%	3,66%
8	Tổng số lao động (người)	340	336	328	325
9	Thu nhập bình quân (Trđ/người/tháng)	9,0	7,88	7,36	7,3

Nguồn: Trích Báo cáo kiểm toán Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV 2012, 2013, 2014 và Báo cáo tài chính 6T/2015.

8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty những năm qua

Thuận lợi

- Là một trong những doanh nghiệp chuyên ngành đầu tiên và có vị thế tốt trong lĩnh vực xuất khẩu rau, hoa, quả và nông sản của Việt Nam.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật được đầu tư và khả năng sinh lợi tốt. Các lĩnh vực hoạt động chính đa dạng bao gồm sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, kinh doanh khách sạn, kinh doanh dịch vụ vận tải, kho tàng, bến bãi.

- Nhiều khoản đầu tư tài chính dài hạn đang trong thời kỳ sinh lợi cao. Nhiều đơn vị thành viên sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần đã thực sự phát huy quyền làm chủ doanh nghiệp, năng động và sáng tạo đưa doanh nghiệp phát triển và hoạt động có hiệu quả, hàng năm đều có lợi nhuận và chia cổ tức cho các cổ đông, vốn được bảo toàn và phát triển.

- Tình hình tài chính của Công ty mẹ lành mạnh, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.

- Phạm vi và lĩnh vực hoạt động rộng, mỗi đơn vị thành viên hoạt động trong những ngành nghề khác nhau nhưng có mối liên hệ gắn kết chặt chẽ với nhau, sản phẩm hoặc dịch vụ của đơn vị này là nguyên liệu hoặc đối tượng tác động của đơn vị kia nên việc hỗ trợ nhau trong hoạt động đã mang lại hiệu quả tối đa cho mỗi đơn vị, đồng thời đảm bảo sự phát triển an toàn và bền vững của Công ty mẹ.

- Thường xuyên đầu tư cho công tác nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ chủ chốt. Đổi mới phương thức quản trị trong doanh nghiệp. Hỗ trợ các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty về tài chính, nhân lực trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư... tạo được mối liên kết gắn bó giữa Tổng công ty và các doanh nghiệp.

- Bộ máy lãnh đạo Tổng công ty có quan điểm chung, thống nhất về các chủ trương lớn, chiến lược phát triển, về phương thức hoạt động và xử lý các vấn đề cốt lõi

của đơn vị, đoàn kết giữ vững sự ổn định về tổ chức và bộ máy của Tổng công ty. Chăm lo tốt đời sống cho người lao động.

- Tổng công ty được sự quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan hữu quan. Được Nhà nước, Bộ Nông nghiệp và PTNT hỗ trợ thông qua chính sách ưu đãi đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Khó khăn, hạn chế

- Nền kinh tế thế giới và trong nước vẫn trong giai đoạn khó khăn, chưa phục hồi.
- Sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp trong cùng ngành nghề.
- Công tác định hướng chiến lược, kế hoạch, quản trị, công tác xúc tiến thương mại còn hạn chế.
- Mới tập trung vào thị trường xuất khẩu; hệ thống phân phối, bán lẻ chưa phát triển mở rộng.
- Tổng công ty chưa có sản phẩm khác biệt trên thị trường.
- Công tác quy hoạch, đào tạo đã thực hiện đúng các quy định hiện hành song lực lượng cán bộ trẻ khả năng làm việc độc lập còn hạn chế.

9. Vị thế của Tổng công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1 Vị thế của Tổng công ty trong ngành:

Tổng công ty đã có kinh nghiệm gần 60 năm trong các lĩnh vực hoạt động của mình và đã giao dịch với gần 60 quốc gia và vùng lãnh thổ trên khắp các châu lục. Với bề dày về thời gian kinh nghiệm cùng các mối quan hệ rộng khắp, Tổng công ty có khả năng và lợi thế nắm bắt được nhu cầu thị trường, hoạt động kinh doanh của đơn vị thường xuyên mang lại lợi nhuận.

Ngoài ra Tổng công ty là doanh nghiệp lớn chuyên ngành đầu tiên và thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT trong lĩnh vực xuất khẩu rau, hoa, quả và nông sản của Việt Nam, điều này đem lại nhiều lợi thế cho Tổng công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

9.2 Triển vọng phát triển của ngành

Việt Nam là một nước nông nghiệp với 75% dân số hoạt động và có nguồn thu nhập chủ yếu từ nông nghiệp. Tuy nhiên, diện tích đất canh tác trên đầu người thấp, dân cư nông thôn chiếm khoảng 80% tổng số người có thu nhập thấp trong cả nước. Do vậy, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng nhằm nâng cao hiệu quả của ngành nông nghiệp trở thành một trong những vấn đề quan tâm hàng đầu của Nhà nước, trong đó việc chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng hoa màu và những loại nông sản khác có giá trị xuất khẩu cao trở nên cần thiết hơn bao giờ hết, từ đó nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp được chú trọng xem như biện pháp giải quyết bù vào diện tích canh tác giảm do tăng diện tích đất phi nông nghiệp.

Tỷ lệ nông sản được chế biến và xuất khẩu còn quá thấp; do đó nhu cầu về chế biến và xuất khẩu nông sản chất lượng cao là rất cần thiết cho việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng,

gia tăng thu nhập cho nông dân và góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn Việt Nam. Vì thế, có thể nói thị trường trong nước là một thị trường lớn và đầy tiềm năng cho ngành rau quả Việt Nam. Trong giai đoạn hiện nay thị trường rau quả trong nước khá ổn định, và nhu cầu của thị trường thế giới đối với rau quả Việt Nam cũng đang tăng trưởng mạnh.

9.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Định hướng, mục tiêu phát triển của VEGETEXCO VIETNAM đã đề ra hoàn toàn phù hợp và đi đúng hướng với quan điểm và định hướng phát triển của ngành. Với những lợi thế phát triển riêng, với những nỗ lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên, VEGETEXCO VIETNAM hoàn toàn có thể tiếp bước trở thành một Doanh nghiệp cổ phần mạnh trong ngành rau quả, nông sản.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin về doanh nghiệp sau chuyển đổi

1.1. Thông tin cơ bản

- Tên công ty: TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN
- Tên giao dịch quốc tế: VIETNAM NATIONAL VEGETABLE FRUIT AND AGRICULTURAL PRODUCT CORPORATION - JOINT STOCK COMPANY.
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt : TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN –CTCP.
- Tên giao dịch viết tắt : VEGETEXCO VIETNAM
- Logo :



- Trụ sở chính: Số 02 Phạm Ngọc Thạch- P.Kim Liên- Q.Đống Đa - Hà Nội.
- Điện thoại: (84-4) 3 8524503
- Fax: (84-4) 3 8523926
- Email: vegetexcovn@fpt.vn
- Website: <http://www.vegetexcovn.com.vn>

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của VEGETEXCO VIETNAM sau khi chuyển thành công ty cổ phần dự kiến như sau:

1.2.1. Ngành nghề kinh doanh chính:

- Trồng cây có hạt, cây ăn quả, rau quả, nông sản, hoa, giống cây trồng các loại (lương thực, nông sản, rau quả, hoa, ...);
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh giống cây trồng các loại, rau, hoa, quả và nông sản; các sản phẩm thực phẩm các loại và đồ uống.
- Xuất, nhập khẩu các loại hạt giống rau và một số giống cây trồng sản xuất trong nước và nước ngoài.
- Xuất nhập khẩu kinh doanh tổng hợp (nông lâm thủy sản, thực phẩm chế biến, hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ, ...)
- Dịch vụ nông nghiệp: khảo nghiệm, kiểm nghiệm, dịch vụ kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng giống cây trồng; dịch vụ và kinh doanh vật tư nông nghiệp,....;

1.2.2. Ngành nghề kinh doanh có liên quan phục vụ trực tiếp ngành nghề kinh doanh chính:

- Xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng theo yêu cầu sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty (bao gồm cả các loại thiết bị, vật tư, hàng hóa phục vụ vùng nguyên liệu, chế biến rau quả, nông sản).
 - Sản xuất và kinh doanh các loại bao bì carton, hộp sắt, lon nhôm.
 - Kinh doanh dịch vụ vận tải, kho hàng, giao nhận hàng hóa.
 - Kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa, cho thuê văn phòng, KD dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch và đại lý du lịch.

1.3. Cơ cấu vốn điều lệ

Theo Quyết định số 636/QĐ-TTg ngày 13/05/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ- Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV, cơ cấu Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần như sau:

Vốn điều lệ của Tổng công ty cổ phần là: **713.000.000.000 đồng (Bảy trăm mười ba tỷ đồng).**

Cơ cấu sở hữu Vốn điều lệ của VEGETEXCO VIETNAM như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng cổ phần	Giá trị tính theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ so với Vốn điều lệ
1. Cổ phần do nhà nước nắm giữ	0	0	0%
2. Cổ phần bán cho người lao động	850.200	8.502.000.000	1,19%
2.1 Cổ phần (CP) bán cho người lao động theo năm công tác	341.300	3.413.000.000	0,48%
2.2 Cổ phần bán cho người lao động theo năm cam kết làm việc mức 200 CP/1 năm	377.400	3.774.000.000	0,53%
2.2 Cổ phần bán cho người lao động theo năm cam kết làm việc mức 500 CP/1 năm	131.500	1.315.000.000	0,18%
3. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	42.780.000	427.800.000.000	60,00%
4. Cổ phần bán đấu giá công khai	27.669.800	276.698.000.000	38,81%
Tổng	71.300.000	713.000.000.000	100,00%

1.4. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần :

1.4.1 Chào bán cho cán bộ công nhân viên theo thâm niên làm việc

Số lượng cổ phần chào bán ưu đãi cho người lao động theo danh sách thường xuyên tại thời điểm phê duyệt giá trị doanh nghiệp và chào bán thêm theo năm công tác làm việc của Tổng công ty là 850.200 cổ phần tương ứng 1,19% vốn điều lệ của Công ty cổ phần chi tiết như sau:

+ Tổng số lao động có tên trong danh sách thường xuyên tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là 328 người.

+ Tổng số lao động không đủ 1 năm làm việc trong khu vực nhà nước: 53 người

+ Tổng số lao động được mua cổ phần theo giá ưu đãi: 273 người, tổng số cổ phần được mua ưu đãi 341.300 cổ phần.

+ Tổng số lao động đủ điều kiện cam kết mua thêm (diện 200 cp/người/năm công tác) 198 người, tổng số cổ phần được mua 377.400 cổ phần.

+ Tổng số lao động là chuyên gia giỏi mua thêm (diện 500 cp/người/năm công tác): 33 người, tổng số cổ phần được mua 131.500 cổ phần.

Giá bán cổ phần: theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần.

Thời gian bán và thanh toán tiền mua cổ phần: sau khi đấu giá bán công khai.

1.4.2 Chào bán cho nhà đầu tư chiến lược

Theo khoản 2, Điều 1 tại Quyết định số 1928/QĐ-BNN-QLDN ngày 26/05/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc triển khai thực hiện Phương án cổ phần hoá Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản, số lượng cổ phần chào bán cho nhà đầu tư chiến lược là 42.780.000 cổ phần, chiếm 60% vốn điều lệ Công ty cổ phần. Chi tiết như sau:

STT	Tên nhà đầu tư chiến lược	Số cổ phần	Tỷ lệ so với vốn điều lệ
1	Công ty cổ phần Tập đoàn T&T (18 phố Hàng Chuối, Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội).	24.955.000	35,00%
2	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn-Hà Nội (tầng 7+8 tòa nhà AC, Lô A1A, cụm SXTTCN&CNN, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội)	10.695.000	15,00%
3	Công ty CP XNK Thủ công Mỹ nghệ (số 2 Phạm Sư Mạnh, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội).	7.130.000	10,00%

Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược là giá bán do Ban chỉ đạo cổ phần hoá thỏa thuận sau khi thực hiện bán đấu giá công khai nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán đối với nhà đầu tư chiến lược: thanh toán tiền mua cổ phần tối đa 5 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng mua bán cổ phần (thực hiện sau khi bán đấu giá công khai).

1.4.3 Cổ phần bán đấu giá công khai

Đối với nhà đầu tư tham dự đấu giá: việc chào bán cổ phần ra công chúng sẽ được tiến hành theo hình thức đấu giá công khai thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán: theo Quy chế bán đấu giá.

1.5. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá

Theo Quyết định số 636/QĐ-TTg ngày 13/05/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản:

- Hình thức cổ phần hoá là bán toàn bộ vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp theo Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

- Tiền thu được từ bán cổ phần sau khi giảm trừ các khoản theo quy định, phần còn lại Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản có trách nhiệm nộp về Quỹ hỗ trợ sắp

xếp và phát triển doanh nghiệp.

STT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)
1	Dự kiến tiền thu từ phát hành cổ phần:	715.264.137.480
1.1	Phát hành cổ phần ưu đãi cho cán bộ công nhân viên	7,173,197,680
1.2	Phát hành cổ phần cho tổ chức công đoàn	-
1.3	Phát hành cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược	429.981.780.000
1.4	Phát hành cổ phần cho cổ đông khác	278.109.159.800
2	Dự kiến tổng các khoản chi phí:	3.761.486.250
2.1	Chi phí cổ phần hóa dự kiến:	1.420.000.000
2.2	Chi phí chi trả trợ cấp cho lao động thôi việc, mất việc dự kiến:	2.341.486.250
3	Dự kiến tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:	711.502.651.230

Ghi chú: Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần trên cơ sở giả định tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá khởi điểm **10.051** đồng và giá đấu thành công thấp nhất là **10.051** đồng. Số tại bảng tính chỉ là tạm tính dự kiến.

Tổng công ty đang có văn bản đề nghị BCĐCPH phê duyệt bổ sung dự toán chi phí cổ phần hóa.

1.6. Tổ chức bộ máy

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD):

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Tổng công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Tổng công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Tổng công ty.

Hội đồng quản trị (HDQT):

Là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Tổng công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HDQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HDQT do Luật pháp và điều lệ Tổng công ty, các quy chế nội bộ của Tổng công ty và Nghị quyết ĐHĐCD quy

định.

Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là 5 thành viên, nhiều nhất là 07 thành viên; Nhiệm kỳ không quá 05 năm, Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên HĐQT độc lập phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT.

Ban kiểm soát:

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Tổng công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Thành viên Ban kiểm soát không ít hơn 03 thành viên và không nhiều hơn 05 thành viên, có nhiệm kỳ tối đa là 5 năm theo nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị; Có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Tổng công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Tổng công ty.

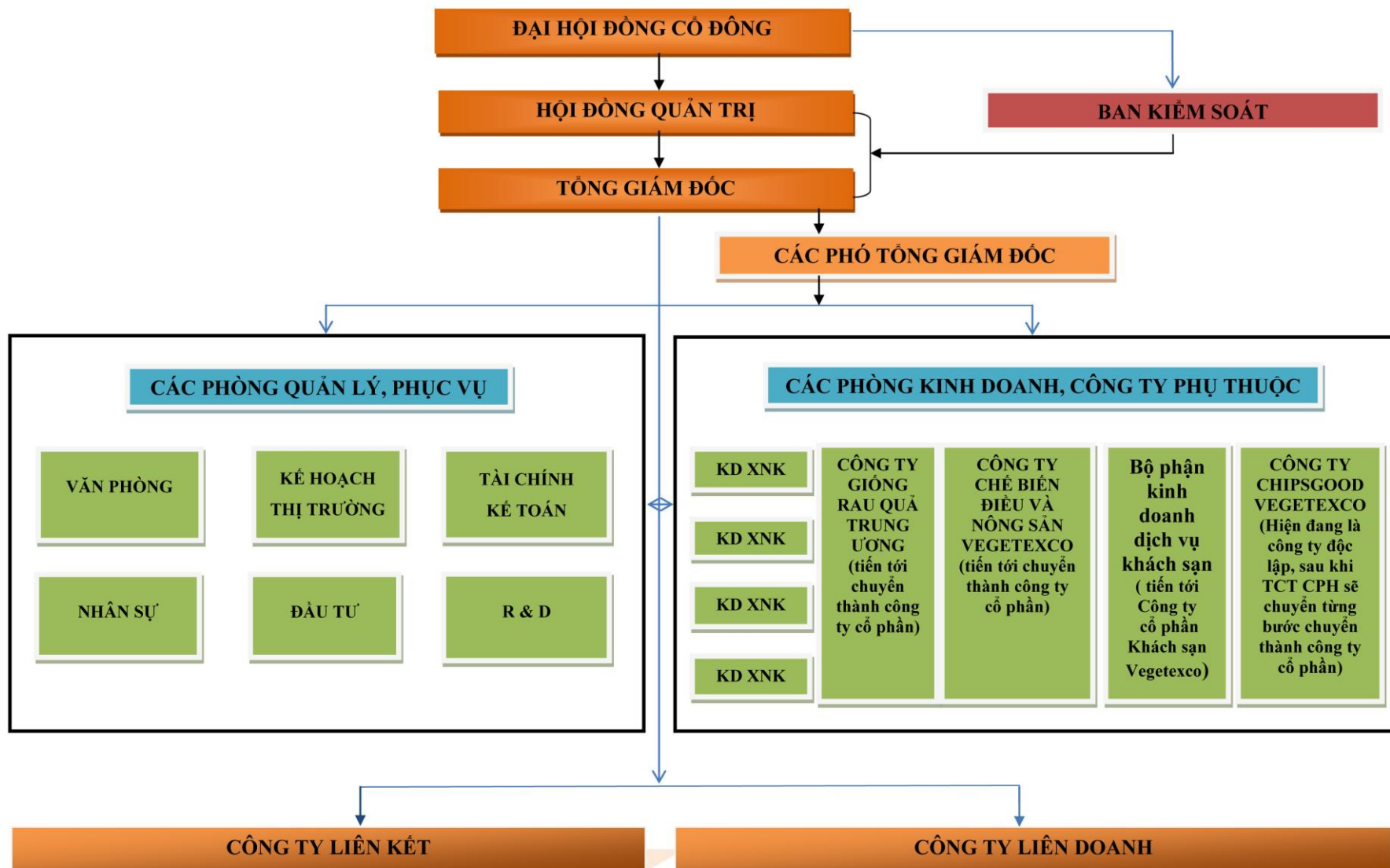
Các khối phòng ban và kinh doanh khác:

Trên cơ sở cơ cấu tổ chức hiện tại của Tổng công ty, nhằm đồng thời thực hiện kế hoạch tái cấu trúc là một trong mục tiêu thuộc phương án cổ phần hóa và ổn định hoạt động kinh doanh phù hợp với phương án sắp xếp và xử lý lao động của Tổng công ty, Tổng công ty Rau quả, nông sản xây dựng mô hình tổ chức mới theo định hướng như trên và trình bày đặc điểm thay đổi trong sơ đồ cơ cấu tổ chức của Tổng công ty sau khi cổ phần hóa như sau:

- **Khối kinh doanh, chi nhánh phụ thuộc:**
 - Sắp xếp lại 05 phòng kinh doanh hiện tại thành 04 phòng Kinh doanh - Xuất nhập khẩu, và tiếp tục sắp xếp cho phù hợp và hiệu quả.
 - Sắp xếp lại Chi nhánh Tổng công ty - Công ty Giống Rau quả Trung ương, tiến tới chuyển đổi thành công ty cổ phần.
 - Sắp xếp lại Chi nhánh Tổng công ty Công ty chế biến Điều và Nông sản Vegetexco, tiến tới chuyển đổi thành công ty cổ phần.

- Hình thành mới Chi nhánh Vegetexco Khách sạn – Dịch vụ nhằm mục đích quản lý khai thác công trình khách sạn tại 58 Lý Thái Tổ (Hà Nội) và kinh doanh các dịch vụ khác (tiên tới thành lập Công ty cổ phần khách sạn Vegetexco).
- Chuyển đổi Cty TNHH 2 thành viên Chipsgood Vegetexco thành Công ty cổ phần.
 - **Khởi quản lý và phục vụ:**
 - Thành lập phòng quản lý đầu tư tiền thân là Phòng Tư vấn đầu tư – Xúc tiến thương mại trong cơ cấu tổ chức hiện tại nhằm thực hiện các nhiệm vụ chính như sau:
 - ✓ Đầu tư dự án mới, gồm thực hiện đầu tư vào các dự án hiện có của Tổng công ty, các Công ty con, liên kết; tìm kiếm các dự án mới.
 - ✓ Quản lý triển khai các dự án trong giai đoạn đầu tư XDCB.
 - ✓ Xây dựng phương án tổ chức khai thác.
 - Thành lập Phòng Kế hoạch – Thị trường tiền thân là phòng Kế hoạch tổng hợp trong cơ cấu tổ chức hiện tại và bổ sung chức năng xúc tiến thương mại của phòng Tư vấn đầu tư – Xúc tiến thương mại nhằm tạo sự liên kết trong việc hoạch định kế hoạch dài hạn, ngắn hạn với việc xúc tiến các giải pháp tiêu thụ sản phẩm qua các kênh đa dạng.
 - Bổ sung chức năng quản lý danh mục đầu tư cho Phòng Kế toán tài chính. Trong tương lai khi công tác đầu tư tài chính phát triển có thể thành lập bộ phận quản lý đầu tư tài chính riêng biệt.
 - Thành lập mới 02 phòng: Tổ chức – Nhân sự và Văn phòng trên cơ sở tách các chức năng hành chính và chức năng tổ chức nhân sự hiện có của phòng TCHC trong cơ cấu tổ chức hiện tại.
 - Thành lập mới Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) trên cơ sở Trung tâm KCS trong cơ cấu tổ chức hiện tại, nhằm mục tiêu tập trung vào nghiên cứu phát triển sản phẩm mới phục vụ nhu cầu sản xuất XK cũng như tiêu thụ trong nước.
 - **Công ty con.**
 - **Công ty liên kết.**
 - **Công ty liên doanh.**

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ , NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN



2. Lao động tiếp tục chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần

Theo Quyết định số 636/QĐ-TTg ngày 13/05/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV, phương án lao động chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần như sau:

- ❖ Tổng số lao động chuyển sang công ty cổ phần là: **302 người**
- ❖ Phân loại lao động của VEGETEXCO VIETNAM:

Trong đó, số lao động đang nghỉ chế độ và tạm hoãn hợp đồng lao động như sau:

STT	Đối tượng người lao động	Số lượng (người)
1	Số lao động còn hạn HĐLĐ sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần	302
2	Số lao động nghỉ theo ba chế độ bảo hiểm xã hội, chia ra:	1
	Ôm đau	
	Thai sản	1
	Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	
3	Số lao động đang tạm hoãn hợp đồng lao động, chia ra:	0
	Nghĩa vụ quân sự	
	Nghĩa vụ công dân khác	
	Bị tạm giam, tạm giữ	
	Do TCT và người lao động thỏa thuận (không quá 3 tháng)	

Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần:

STT	Đối tượng người lao động	Số lượng
1	Tổng số lao động	302
2	Phân theo trình độ lao động	
	Đại học và trên đại học	95
	Trung cấp và Cao đẳng	23
	LĐ Phổ thông	152
	Công nhân, sơ cấp	32

STT	Đối tượng người lao động	Số lượng
3	Phân theo hợp đồng lao động	
	Không thuộc đối tượng ký HĐLĐ	9
	HĐLĐ không thời hạn	194
	HĐLĐ từ 1 đến 3 năm	46
	Lao động mùa vụ hoặc HĐLĐ dưới 12 tháng	53

3. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp chuyển sang công ty cổ phần

Căn cứ kết quả xác định giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH 1TV tại thời điểm 31/12/2013 do đơn vị kiểm toán CPA_Hà Nội lập và *Quyết định số 4291/QĐ-BNN-QLDN ngày 07/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản - công ty TNHH một thành viên để cổ phần hoá*)

3.1. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2013

Tổng giá trị tài sản doanh nghiệp: **815.614.109.671** đồng

Trong đó:

- Nợ thực tế phải trả: **102.435.939.816** đồng
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: **0** đồng
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại DN: **713.178.169.855** đồng
 - Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước trên đã bao gồm các khoản cổ phiếu được thưởng (cổ tức mà công ty được chia không phải trả bằng tiền) mà công ty đã hạch toán vào doanh thu trước thời điểm Xác định giá trị doanh nghiệp.
 - Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước trên không bao gồm tài sản không cần dùng, chờ thanh lý, các khoản công nợ không có khả năng thu hồi tổng giá trị là 24.438.809.584 đồng.

❖ LƯU Ý:

- ❖ Vốn điều lệ công ty cổ phần chỉ là 713 tỷ đồng thấp hơn giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 713.178.169.855 đồng. Phần chênh lệch 178.169.855 đồng giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp với mức vốn điều lệ công ty cổ phần theo phương án cổ phần hoá được phê duyệt sẽ được Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản xử lý, quyết toán tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần theo quy định.

- ❖ Khoản tiền thuê đất tại khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hoà B, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh có diện tích 11.000m², thời hạn thuê đất đến năm 2053 đã trả tiền thuê 01 (một) lần; giá trị thuê đất đối với thời gian còn lại trong 40 năm là: 14.659.166.667 đồng chưa tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá. Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản tiếp tục hoàn thiện đầy đủ hồ sơ pháp lý theo quy định để làm căn cứ xử lý khi quyết toán vốn nhà nước tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần. (Căn cứ Quyết định số 4291/QĐ-BNN-QLDN ngày 07/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH 1TV để cổ phần hóa), do đó tài sản này vẫn hoàn toàn thuộc về Nhà nước và do Nhà nước toàn quyền quyết định, không phải là tài sản chuyển sang công ty cổ phần.

3.2. Tổng tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31/12/2013

SỐ TT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LIỆU KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4	5 = 4 - 3
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG	585.378.441.808	815.614.109.671	230.235.667.864
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	287.114.015.201	488.482.900.664	201.368.885.462
1	Tài sản cố định	25.945.312.908	48.366.440.117	22.421.127.209
2	Các khoản đầu t- tài chính dài hạn	302.453.135.607	434.694.481.937	132.241.346.330
3	Chi phí XD CB dở dang	4.257.732.083	4.257.732.083	-
4	Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	-
5	Chi phí trả trước dài hạn	9.003.577	1.164.246.526	1.155.242.949
6	Tài sản thuế Thu nhập hoãn lại	-	-	-
7	Tài sản dài hạn khác	-	-	-
8	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
9	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(45.551.168.974)	-	45.551.168.974
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	296.889.916.191	321.270.160.215	24.380.244.023
1	Tiền	24.187.275.855	24.190.288.580	3.012.725
+	<i>Tiền mặt tồn quỹ</i>	<i>809.829.445</i>	<i>812.842.170</i>	<i>3.012.725</i>

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

+	Tiền gửi ngân hàng	23.377.446.410	23.377.446.410	-
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120.060.530.135	120.060.530.135	-
3	DP giảm giá đầu tư tài chính NH	-	-	-
4	Các khoản phải thu	83.779.909.650	83.779.909.650	-
5	Dự phòng phải thu khó đòi	(24.365.908.094)	-	24.365.908.094
6	Vật tư, hàng hoá tồn kho	88.958.956.241	80.783.699.121	(8.175.257.120)
7	DP giảm giá hàng tồn kho (*)	(8.185.680.956)	-	8.185.680.956
8	Tài sản lưu động khác	12.454.833.360	12.455.732.729	899.369
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	4.486.538.378	4.486.538.378
IV	Giá trị quyền sử dụng đất	1.374.510.415	1.374.510.415	-
B	TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	24.438.809.585	24.438.809.585	-
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	2.084.312.977	2.084.312.977	-
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	22.354.496.608	22.354.496.608	-
1	Công nợ không có khả năng thu hồi	22.354.496.608	22.354.496.608	-
C	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	-	-	-
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QŨY PL-KT	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+B+C+D)	609.817.251.392	840.052.919.256	230.235.667.864
	Trong đó: Tổng giá trị thực tế DN (Mục A)	585.378.441.808	815.614.109.671	230.235.667.864
	NỢ THỰC TẾ PHẢI TRẢ	102.432.927.616	102.435.939.816	3.012.200
E1	Trong đó: Giá trị QSD đất mới nhận giao phải nộp NSNN	-	-	-
E2	NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP	-	-	-

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-<E1+E2>]	482.945.514.192	713.178.169.855	230.232.655.664
------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------	------------------------	------------------------

Nguồn: Trích kết quả xác định giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH ITV tại thời điểm 31/12/2013 do đơn vị kiểm toán CPA_Hà Nội đánh giá lại.

3.3 Những tồn tại tiếp tục phải giải quyết

- Khoản tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP.HCM có diện tích 11.000m², thời hạn thuê đất đến năm 2053, đã trả tiền thuê 01 (một) lần; giá trị thuê đất đối với thời gian thuê còn lại 40 năm là 14.659.166.677 đồng chưa tính vào giá trị doanh nghiệp. Tổng công ty tiếp tục hoàn thiện đầy đủ hồ sơ pháp lý theo quy định để làm căn cứ xử lý khi quyết toán vốn nhà nước thời điểm Tổng công ty chuyển sang công ty cổ phần.

- Tiếp tục thoái vốn tại các đơn vị thua lỗ, không có hiệu quả để có cơ sở xử lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn thuộc các đơn vị mất hết vốn, lâm vào tình trạng phá sản. Tổng công ty đã đề nghị được loại ra khỏi giá trị doanh nghiệp khi quyết toán vốn nhà nước để chuyển sang công ty cổ phần.

STT	Doanh nghiệp	Vốn tại doanh nghiệp	Ghi chú
1	CTCP Xuất nhập khẩu Rau quả Hải Phòng	1.129.490.000	Bán đấu giá thoái vốn không thành
2	CTCP Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Kiên Giang	1.500.000.000	
3	Công ty LD TNHH LUVECO	15.792.925.000	
4	CTCP Thực phẩm xuất khẩu Hưng Yên	1.257.173.000	
5	CTCP Thực phẩm xuất khẩu Bắc Giang	4.200.000.000	Bán đấu giá thoái vốn không thành.
6	CTCP Nông lâm sản Hà Tĩnh	220.000.000	
	Cộng	24.099.588.000	

- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ về đất đai và tài sản gắn liền với đất tại các cơ sở nhà đất của Tổng công ty .

- Tại thời điểm thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty mẹ - TCT Rau quả Nông sản chưa có Biên bản quyết toán thuế 2014 của cơ quan thuế và đang trong quá trình giải quyết về tồn tại nợ thuế với cơ quan thuế và hải quan, do vậy giá trị doanh nghiệp có thể điều chỉnh theo quyết toán thuế của cơ quan thuế, cơ quan hải quan. Số liệu điều chỉnh (nếu có) sẽ được xử lý vào giai đoạn từ thời điểm quyết định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm Công ty mẹ - TCT Rau quả Nông sản chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

- Tiếp tục tham gia giải quyết các việc liên quan đến phá sản doanh nghiệp của các đơn vị thành viên liên quan đến vốn, nợ với Tổng công ty; rủi ro tiềm tàng phát sinh từ các khoản bảo lãnh (tổng số ~ 34 tỷ đồng) tại các đơn vị trước đây Tổng công ty có bảo lãnh, rủi ro từ các hợp đồng mua bán, ký gửi, gửi vật tư hàng hóa để gia công. (Công ty LD TNHH Luveco, Công ty CP TPXK Hưng Yên, Công ty CP nông lâm sản Hà Tĩnh, Công ty XNK NS và TPCB Đà Nẵng, ...)

- Tiếp tục theo dõi, đôn đốc thu hồi công nợ, giải quyết các khoản công nợ khó đòi không đủ điều kiện loại ra khi xác định giá trị doanh nghiệp nhà nước để cổ phần hóa, các tranh chấp tồn tại, ...

TT	Nội dung	Số 31/12/2014 (chưa xử lý sau kiểm kê)
1	CÔNG NỢ TỒN ĐỘNG LÂU NĂM, KHÔNG ĐỦ HỒ SƠ, QUÁ HẠN , ...	~ 12,35 tỷ đồng
4	VẬT TƯ NẮP, LỘ THỦY TINH (vật tư cũ tồn đọng, có tranh chấp, ...)	~ 4.64 tỷ đồng

Các khoản nợ phải thu, nợ phải trả còn lại chưa được đối chiếu xác nhận, Công ty mẹ - TCT Rau quả Nông sản có trách nhiệm tiếp tục đối chiếu xác nhận và chịu trách nhiệm về các khoản công nợ phải thu phải trả.

3.4. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

3.4.1. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn

a. Tài sản cố định hữu hình dùng trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Tại thời điểm ngày 31/12/2013, VEGETEXCO VIETNAM đang quản lý và sử dụng các hạng mục tài sản là nhà cửa vật kiến trúc với tổng giá trị tài sản sau khi được thẩm định như sau:

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Đơn vị: 1.000 đồng

Khoản mục	Số liệu báo cáo tài chính		Số xác định lại		Chênh lệch	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Nhà cửa vật kiến trúc	37.504.689	16.915.885	85.414.799	38.401.958	47.910.109	21.486.072
Máy móc thiết bị	8.503.205	4.621.761	8.503.205	5.075.564	0	453.802
Phương tiện vận tải	5.219.816	2.641.838	5.763.356	3.031.509	543.539	389.671
Thiết bị dụng cụ quản lý	737.274	84.578	579.274	176.159	(158.000)	91.581
Tài sản vô hình	3.853.926	3.055.758	3.853.926	3.055.758	0	0
Tổng cộng	55.818.913	27.319.823	104.114.563	49.740.950	48.295.649	22.421.127

Từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến hiện tại, Tổng công ty không có biến động lớn nào về tài sản cố định.

b. Đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của VEGETEXCO VIETNAM là khoản góp đầu tư vào công ty con, công ty góp vốn liên doanh, liên kết, đầu tư dài hạn khác. Giá trị sau khi được thẩm định như sau:

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Stt	Nội dung	Giá gốc đầu t-	Vốn chủ sở hữu	Vốn tại đơn vị	Chênh lệch (đ)
		(đ)	tại đơn vị (đ)	xác định lại (đ)	
		<1>	<2>	<4>	<5=4-1>
I	Công ty con	36.242.672.764	17.731.484.949	19.899.000.000	(16.343.672.764)
II	Công ty LD	68.726.954.843	101.363.758.979	118.610.654.829	49.883.699.986
III	Đầu tư cty liên kết	195.376.218.000	251.977.815.112	293.996.552.109	98.620.334.109
IV	Đầu tư dài hạn khác	2.107.290.000	188.275.000	2.188.275.000	80.985.000
	Tổng cộng	302.453.135.607	371.261.334.040	434.694.481.937	132.241.346.330

Nguồn: Trích hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH ITV tại thời điểm 31/12/2013 do đơn vị kiểm toán CPA_Hà Nội lập.

c. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn của VEGETEXCO VIETNAM đầu tư vào công ty con, công ty góp vốn liên doanh, liên kết, đầu tư dài hạn khác. Giá trị sau khi được thẩm định như sau:

- Giá trị định giá: (45.551.168.974) đồng
- Giá trị thẩm định: 0 đồng
- Chênh lệch: 45.551.168.974 đồng

3.5 Tình hình sử dụng cơ sở nhà, đất.

Theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Tổng

công ty đã xây dựng phương án sử dụng đất trình các cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định.

Theo phương án sử dụng đất, Công ty mẹ - Tổng Công ty Rau quả, Nông sản tiếp tục quản lý và sử dụng các địa điểm đất theo hình thức thuê đất, trả tiền hàng năm cụ thể như sau :

Cơ sở nhà đất tại Thành phố Hà Nội

- Cơ sở nhà đất tại số 02 Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội:

+ Diện tích đất: 1.969 m² , diện tích sàn xây dựng: 3.950m².

+Hợp đồng thuê đất 64/2006/TNMTNĐ-HĐTĐTN, Giấy Chứng nhận QSD Đất số AB 180637 (04/04/2006).

- + Phương thức thuê đất dài hạn và trả tiền thuê đất hàng năm.
- + Hoàn thiện hồ sơ đất đai và ký hợp thuê đất với giá ổn định lâu dài theo quy định, chuyển đổi quyền sử dụng sang Công ty Cổ phần ngay khi đủ điều kiện.
- + Mục đích và Phương án sử dụng sau CPH: Trước mắt tiếp tục làm trụ sở làm việc, cơ sở sản xuất kinh doanh. Kế hoạch tiếp theo từ năm thứ 3 đến năm thứ 5 sẽ xây dựng khu phức hợp văn phòng làm việc, khu dịch vụ thương mại và nhà ở.

- Cơ sở nhà đất tại 58 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

- + Diện tích đất: 404 m² ; diện tích sàn xây dựng: 2.500m².
- + Hợp đồng thuê đất 61-08/HĐTĐTN, Giấy Chứng nhận QSD Đất số AĐ 692357 (01/9/2008). Mục đích sử dụng: làm khách sạn.
- + Phương thức thuê đất dài hạn, trả tiền thuê đất hàng năm.
- + Hoàn thiện hồ sơ đất đai và ký hợp thuê đất với giá ổn định lâu dài theo quy định, chuyển đổi quyền sử dụng sang Công ty Cổ phần ngay khi đủ điều kiện.
- + Mục đích và Phương án sử dụng sau cổ phần hóa: Tiếp tục cải tạo thành khách sạn để kinh doanh theo đúng quy hoạch của Thành phố Hà nội và đúng phương án tái cơ cấu đã được Bộ NN&PTNT phê duyệt. .

- Cơ sở nhà đất tại Cầu Diễn Xã Phú Diễn, Từ Liêm, Hà Nội (kho Cầu Diễn).

- + Diện tích đất: 11.221 m². Diện tích sàn xây dựng: 3.360m².
- + Giấy sử dụng đất số 4802/XD-UB ngày 09/11/1987.
- + Phương thức thuê đất lâu dài và trả tiền thuê đất hàng năm.
- + Hoàn thiện hồ sơ đất đai và ký hợp thuê đất với giá ổn định lâu dài theo quy định, chuyển đổi quyền sử dụng sang Công ty Cổ phần ngay khi đủ điều kiện.
- + Mục đích và Phương án sử dụng sau cổ phần hóa: tiếp tục sử dụng làm kho chứa hàng hóa và kinh doanh kho bãi .

- Cơ sở nhà đất tại Phường Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội (kho Cầu Tiên).

- + Diện tích đất: 994 m². Diện tích sàn xây dựng: 600m².
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 007576 ngày 15/9/1990.
- + Phương thức thuê đất lâu dài và trả tiền thuê đất hàng năm.
- + Hoàn thiện hồ sơ đất đai và ký hợp thuê đất với giá ổn định lâu dài theo quy định, chuyển đổi quyền sử dụng sang Công ty Cổ phần ngay khi đủ điều kiện.
- + Mục đích và Phương án sử dụng sau cổ phần hóa: tiếp tục sử dụng làm kho

chứa hàng hóa nông sản. Kế hoạch từ 3 đến 5 năm sau CPH sẽ chuyển đổi mục đích sử dụng thành xây dựng khu nhà phức hợp Văn phòng làm việc, trung tâm thương mại và nhà ở cao tầng.

- Cơ sở nhà đất tại xã Liên Phương, huyện Thường Tín, Hà Nội (Trại giống rau và Trung tâm rau hoa quả Thường Tín).

- + Diện tích đất: 49.045 m². Diện tích sàn xây dựng: 15.398,49m².
- + Hiện trạng quản lý, sử dụng: 46.987m² đất SXKD, 2.058 m² đất đã bố trí làm nhà ở.
- + Đang làm thủ tục bàn giao 2.058m² đất có nhà ở về địa phương theo quyết định phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất của UBND TP. Hà Nội. Đối với diện tích 46.987m² tiếp tục thuê với hình thức thuê đất lâu dài và trả tiền hàng năm.
- + Tiếp tục làm việc với các ban ngành chức năng của TP. Hà nội (Sở TNMT, TC) để ký hợp đồng thuê đất theo giá ổn định chuyển mục đích sử dụng và chuyển quyền thuê đất sang Công ty Cổ phần khi đủ điều kiện.
- + Mục đích và Phương án sử dụng sau cổ phần hóa: tiếp tục sử dụng làm cơ sở sản xuất kinh doanh, cho thuê kho bãi.

Cơ sở nhà đất tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cơ sở nhà đất tại Đường số 7, Khu CN Vĩnh Lộc, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP Hồ Chí Minh.

- + Diện tích đất: 11.000 m². Hợp đồng thuê QSD đất số 103/HĐ-TQSDĐ-2006 ngày 12/09/2006 và phụ lục. Mục đích sử dụng: đất cơ sở SXKD trong KCN,. Thuê dài hạn, đã trả tiền thuê đất 01 lần đến ngày 30/08/2053. Đang cho Công ty LD TOVECAN (đơn vị Liên doanh với TCTY) thuê làm cơ sở sản xuất kinh doanh để chuyển nhà máy hộp sắt từ địa điểm cũ về KCN Vĩnh Lộc (Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất ngày 17/9/2007 và phụ lục).
- + Phương án sử dụng sau cổ phần hóa: Hoàn thiện giấy tờ đất đai, đưa vào giá trị doanh nghiệp khi xác định lần 2. Tiếp tục cho đối tác liên doanh thuê theo hợp đồng .
- + Tài sản chưa tính vào giá trị doanh nghiệp khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, do đó tài sản này vẫn hoàn toàn thuộc về nhà nước và do nhà nước toàn quyền quyết định, không phải là tài sản chuyển sang công ty cổ phần.

Cơ sở nhà đất tại tỉnh Nam Định.

- Cơ sở nhà đất tại Số 8 đường Thanh Bình, P.Hà Long, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định.

- + Diện tích đất: 7.261 m². Diện tích sàn xây dựng: 980,2 m²
- + Hợp đồng thuê đất 25-2001/HĐ-TĐ ngày 08/01/2001, GCN QSDĐ số 548564 ngày 17/01/2001. Mục đích sử dụng: đất cơ sở SXKD. Thuê dài hạn, trả tiền hàng năm.
- + TCTy nhận bàn giao từ Nhà máy TPXK Nam Hà (đã giải thể). Năm 2009 TCTy đã thực hiện việc kê khai hiện trạng sử dụng đất theo yêu cầu của Đoàn công tác liên ngành (QĐ 09 TTg Chính phủ). Đang hoàn thiện hồ sơ đất đai.
- + Phương án sử dụng sau cổ phần hóa: bàn giao cho DATC (tài sản không cần dùng khi chuyển sang công ty cổ phần).

Cơ sở nhà đất tại tỉnh Bình Phước.

- Cơ sở nhà đất tại Ấp 1, Xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng.

- + Diện tích đất: Thửa 1: 10225m²; Thửa 2: 27.966m².
- + GCNQSDĐ 1 số BA038199 ngày 15/7/2010, GCNQSDĐ 2 số BA038200 ngày 15/7/2010, QĐ 1670/QĐ-UBND ngày 15/7/2010 của UBND tỉnh Bình Phước.
- + Hình thức thuê đất lâu dài, đã trả tiền 1 lần.
- + Mục đích và Phương án sử dụng sau cổ phần hóa: Tiếp tục sử dụng làm đất trồng cây lâu năm và cơ sở thu mua nông sản.

- Cơ sở nhà đất tại QL 13, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Công ty Vegetexco Bình Phước)

- + Diện tích đất: 49.556,4m². Diện tích sàn xây dựng: 9.309,4 m².
- + GCNQSDĐ và QSHNOVTSKGLVĐ số BD 752310 ngày 22/4/2011, Quyết định 1040/QĐ-UBND ngày 22/4/2011 của UBND tỉnh Bình Phước.
- + Hình thức thuê đất lâu dài (đến tháng 01/2049) trả tiền thuê đất hàng năm.
- + Hoàn thiện hồ sơ đất đai và ký hợp thuê đất mới theo quy định, chuyển đổi quyền sử dụng sang Công ty Cổ phần ngay khi đủ điều kiện.
- + Mục đích và Phương án sử dụng sau cổ phần hóa: tiếp tục sử dụng làm cơ sở sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện giấy tờ đất đai.

- Cơ sở nhà đất tại QL 13, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Nhân/mua tài sản trên đất từ LD Vinaharris giải thể)

- + Diện tích đất: 1349,8 m². (GCN QSD đất của Liên doanh số AB389803 ngày 24/10/2005, hợp đồng thuê đất của liên doanh số 41/HĐTĐ ngày 27/10/2005, thời gian thuê từ 07/02/2002-17/5/2021, trả tiền hàng năm).

- + Hiện trạng sử dụng: nhà xưởng chế biến gia vị.
- + Nguồn gốc: mua lại tài sản trên đất của Công ty LD TNHH Vinaharris. TCTy đang có văn bản gửi UBND tỉnh Bình Phước, Sở Tài nguyên Môi trường Bình Phước để hoàn thiện hồ sơ xin thuê tiếp tục sử dụng .
- + Phương án sử dụng sau cổ phần hóa: tiếp tục sử dụng làm cơ sở sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện giấy tờ đất đai.

Tổng hợp hiện trạng đất đai

STT	Địa chỉ nhà, đất	Hiện trạng sử dụng đất (m2)			Hiện trạng sử dụng nhà						Ghi chú
		Tổng diện tích	Trong đó		Số ngôi nhà	DTXD (m2)	Tổng DT sàn XD (m2)	Trong đó (m2)			
			Trụ sở, văn phòng mặt bằng SXKD/DV	Khác				Trụ sở	SX KD DV	Khác	
1	Văn phòng Tổng công ty										
1.1	Trụ sở chính Tổng công ty , Số 02 Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội	1.969	1.969		3	1.150	3.950	3.650		300	Đất thuê trả tiền hàng năm, 30 năm từ năm 1993 đến năm 2023
1.2	58 Lý Thái Tổ	404	404		1	320	2.500		2.500		Đất thuê trả tiền hàng năm, 50 năm từ năm 1993 đến năm 2043.
1.3	Kho Cầu Diễn Xã Phú Diễn, Từ Liêm, Hà Nội	11.221	11.221		3	3.360	3.360		3.360		Đất thuê trả tiền hàng năm. Đang làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ để ký hợp đồng thuê đất.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1.4	Kho Cầu Tiên Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	994	994		1	600	600		600	Đất thuê trả tiền hàng năm. Đang làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ để ký hợp đồng thuê đất.	
1.5	Số 8 đường Thanh Bình, P.Hạ Long, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định	7.261	7.070,4	190,6	8	980,2	980,2		789,6	190,6	Thuê đất trả tiền hàng năm, chuyển giao cho DATC tài sản trên đất, không tính vào GTDN CPH
1.6	Đường số 7, Khu CN Vĩnh Lộc, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP Hồ Chí Minh	11.000	11.000								Thuê đất đã trả tiền 1 lần, thời hạn đến 30/08/2053, chưa tính giá trị tiền thuê đất vào GTDN CPH.
1.7	Ấp 1, Xã Phước Sơn, huyện Bù Đặng	38.191	38.191								Thửa 1: 10225m ² đến năm 2049; Thửa 2: 27966m ² đến năm 2044 (trong đó: 600m ² đất ở nông thôn).

2	Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco										
2.1	QL 13, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước	49.556,4	49.556,4		17	9.309,4	9.309,4	334,3	8.975,1	2.270	Thuê đất lâu dài đến năm 2049, trả tiền hàng năm
	QL 13, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước	1.349,8	1.349,8		1	1300	1300		1300		Mua lại tài sản trên đất của Cty LD Vinaharris (năm 2014), đang làm thủ tục xin thuê đất từ UBND tỉnh.
3	Công ty Giống Rau quả Trung Ương										
	Trại giống rau và TT rau hoa quả Thường Tín Xã Liên Phương, huyện Thường Tín, Hà Tây	49.045	46.987	2.058	9	10.743	15.398		14.466		Thuê đất trả tiền hàng năm. Đang làm thủ tục giấy tờ đất và bàn giao 2058m2 đất nhà ở CBCNV về địa phương quản lý

3.6 Tình hình công nợ của VEGETEXCO VIETNAM tính đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

a. Công nợ phải thu

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số kế toán	Số xác định lại
Phải thu khách hàng	28.019.160.866	28.019.160.866
Trả trước cho người bán	2.870.839.536	2.870.839.536
Các khoản phải thu khác	75.244.405.856	75.244.405.856
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(24.365.908.094)	0
Tổng cộng	81.768.498.164	106.134.406.258

Nguồn: Trích Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV tại thời điểm 31/12/2013 theo chứng thư số 155/2014/XĐGTN/CPAHANOI.

Khoản mục dự phòng các khoản phải thu khó đòi sau khi xác định lại là 0 đồng, nguyên nhân là do hoàn nhập các khoản trích dự phòng.

b. Công nợ phải trả

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số kế toán	Số xác định lại
NỢ PHẢI TRẢ	102.432.927.616	102.435.939.816
I. Nợ ngắn hạn	102.432.927.616	102.435.939.816
Vay và nợ ngắn hạn	45.355.433.770	45.355.433.770
Phải trả người bán	8.037.386.526	8.037.386.526
Người mua trả tiền trước	1.314.581.894	1.314.581.894
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	32.094.283.549	32.094.283.549
Phải trả công nhân viên	5.499.226.971	5.499.226.971
Chi phí phải trả	908.757.295	908.757.295
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.130.331.788	1.133.343.988
Quỹ khen thưởng phúc lợi	8.092.925.823	8.092.925.823
II. Nợ dài hạn	0	0
Vay và nợ dài hạn	0	0
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	0	0

Nguồn: Trích Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV tại thời điểm 31/12/2013 theo chứng thư số 155/2014/XĐGTN/CPAHANOI.

4. Định hướng phát triển kinh doanh giai đoạn 2015-2017

Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV hiện nay khi cổ phần hoá sẽ chuyển thành Tổng công ty Rau quả, Nông sản - CTCP. Ba năm đầu sau khi cổ phần hoá, Tổng công ty Rau quả, Nông sản - CTCP (dưới đây gọi tắt là Tổng công ty) định hướng kinh doanh một số lĩnh vực, ngành nghề cụ thể như sau:

+ Tổ chức, sắp xếp lại Tổng công ty theo mô hình hoạt động công ty cổ phần. Tăng cường thực hiện liên kết các đối tác, cổ đông chiến lược có tiềm năng về tài chính, kỹ thuật, công nghệ, năng lực quản trị và điều hành; tăng cường sản xuất kinh doanh nội địa; nghiên cứu, cung cấp giống mới, năng suất cao của thế giới, phù hợp với thị hiếu tiêu dùng cho sản xuất nông nghiệp trong nước và kinh doanh xuất khẩu; phát triển dịch vụ giống cây trồng, hoa tươi, kho bãi, văn phòng, khách sạn.

+ Xây dựng Tổng công ty có cơ cấu hợp lý; chú trọng đẩy mạnh, phát triển sản xuất kinh doanh rau quả, nông sản (trong và ngoài nước); xây dựng chiến lược sản phẩm, chiến lược thị trường hợp lý, hiệu quả; thực hiện vai trò của doanh nghiệp lớn trong định hướng phát triển và hoạt động sản xuất, kinh doanh rau quả, nông sản.

+ Sử dụng hợp lý, khai thác tối đa, có hiệu quả các nguồn lực của doanh nghiệp; huy động vốn của các nhà đầu tư để tăng cường năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của TCTy.

+ Hướng tới sự phát triển bền vững; tổ chức xây dựng, tập trung đầu tư phát triển vùng nguyên liệu rau quả, nông sản; đầu tư tăng năng lực sản xuất và năng lực giám sát chất lượng hàng hóa của các nhà máy chế biến; giám sát và hướng dẫn kỹ thuật cho các nhà máy trong quá trình sản xuất; tăng quy mô doanh số, thị phần thương mại, dịch vụ; tăng lợi nhuận, tỉ suất lợi nhuận trên vốn; đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động trong đơn vị.

5. Các lĩnh vực hoạt động trọng tâm sau cổ phần hóa

Một số nội dung thực hiện kế hoạch kinh doanh 2015 – 2017 (trong PACPH)

Đơn vị	Nội dung thực hiện
---------------	---------------------------

Đơn vị	Nội dung thực hiện
Văn phòng Công ty mẹ	Kế hoạch doanh thu từ Văn phòng năm 2015 quy mô ~160 tỷ VNĐ, các năm tiếp theo dự kiến tăng trưởng 10-12%, trong đó dự kiến nửa cuối năm 2016 đưa công trình khách sạn tại 58 Lý Thái Tổ vào hoạt động, tăng dần tính hiệu quả từ SXKD trực tiếp. Tập trung đẩy mạnh sản xuất kinh doanh các mặt hàng chính, phát triển hệ thống và lực lượng kinh doanh nội tiêu; tăng cường Đầu tư hợp tác, nâng cao hiệu quả hoạt động các cơ sở vật chất; nâng cao hiệu suất lao động, tiết giảm chi phí là những mục tiêu trong giai đoạn này của Văn phòng Công ty mẹ.
Công ty Giống Rau quả Trung Ương.	Kế hoạch doanh thu từ Chi nhánh năm 2015 quy mô ~ 107 tỷ VNĐ, các năm tiếp theo dự kiến tăng trưởng 20%. Tập trung đẩy mạnh sản xuất kinh doanh các mặt hàng chính của Công ty (Giống, Rau và thực phẩm, hoa), phát triển hệ thống và lực lượng kinh doanh nội tiêu; tăng cường Đầu tư cải tạo, nâng cao hiệu quả hoạt động các cơ sở vật chất; nâng cao hiệu suất lao động, tiết giảm chi phí là những mục tiêu trong giai đoạn này của công ty.
Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco	Kế hoạch doanh thu từ Chi nhánh năm 2015 quy mô ~ 250 tỷ VNĐ, các năm tiếp theo dự kiến tăng trưởng 12-16%, trong đó tập trung ngoài sản xuất, gia công nhân điều, Công ty sẽ tăng cường kinh doanh thương mại, kết hợp với đầu tư sản xuất chế biến sâu cho các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn. Đầu tư cải tạo cơ sở vật chất, đổi mới công nghệ sản xuất, nâng cao hiệu suất lao động thông qua tăng cường máy móc thay cho lao động thủ công, tiết giảm chi phí là những mục tiêu trong giai đoạn này của công ty.

Tuy nhiên, qua đánh giá tình hình kinh tế thế giới và trong nước thực tế diễn tiến của các tháng đầu năm 2015 rất khó khăn và biến động phức tạp, nhiều yếu tố bất lợi cho sản xuất kinh doanh nông sản nên Hội đồng thành viên Tổng công ty rau quả nông sản đã có sự điều chỉnh giảm chỉ tiêu giao kế hoạch cho các đơn vị và hạn chế các hoạt động đầu tư lớn để phù hợp với tình hình thực tế, giảm thiểu rủi ro, đưa mục tiêu bảo toàn vốn và hoạt động phải gắn với hiệu quả lên hàng đầu trong quá trình chuyển đổi, tập trung cho nhiệm vụ tái cơ cấu và cổ phần hóa. Cụ thể đã điều chỉnh kế hoạch doanh số cho Văn phòng Công ty mẹ ở mức 81,6 tỷ đồng, Công ty giống rau quả TW ở mức 81 tỷ đồng, Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco ở mức 217 tỷ đồng; việc đầu tư đưa công trình khách sạn tại 58 Lý Thái Tổ vào hoạt động và đầu tư cải tạo điểm bán

hàng của Công ty giống rau quả TW lùi lại so với tiến độ dự kiến tại PA_CPH.

Kế hoạch tổ chức và quản trị điều hành doanh nghiệp

Quy chế quản lý nội bộ

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện quy chế quản lý nội bộ của TCT phù hợp với trình độ quản lý doanh nghiệp, đảm bảo tính công khai, minh bạch, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, tổ chức đánh giá cán bộ theo định kỳ.

Xây dựng quy chế tuyển dụng lao động, bảng mô tả công việc theo từng chức danh và hệ thống các mẫu biểu tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

Xây dựng và hình thành văn hóa doanh nghiệp đối với TCT.

Đào tạo nguồn nhân lực

Xây dựng chiến lược dài hạn phát triển nguồn nhân lực.

Tổ chức đào tạo chuyên môn các kỹ năng về quản trị doanh nghiệp, quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, quản lý dự án đầu tư. Đào tạo và tổ chức thi nâng bậc, ngạch cho CBCNV.

Áp dụng công nghệ mới vào quản trị nội bộ

Xây dựng phần mềm quản lý công việc trong TCT.

Nâng cấp và cập nhật thường xuyên trang thông tin điện tử của TCT.

Quản lý và sử dụng đất đai

Hoàn thiện hồ sơ pháp lý sử dụng đất cập nhật quy định pháp luật hiện hành.

Quy hoạch tổng thể và chi tiết các dự án đầu tư gắn liền với quy hoạch sử dụng đất để phục vụ mục tiêu phát triển TCT, ưu tiên quy hoạch phát triển các ngành nghề kinh doanh chính và có hiệu quả.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư để nhanh chóng đưa vào khai thác, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đặc biệt chú trọng tới các dự án có lợi thế về địa lý và môi trường kinh doanh.

Rà soát đánh giá lại các cơ sở nhà đất định kỳ, nếu sử dụng không hiệu quả thì chuyển trả cho nhà nước sử dụng vào mục đích khác.

Quản trị tài chính

Tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý tài chính, thường xuyên tăng cường công tác quản lý, bảo toàn phát triển vốn và tài sản.

Rà soát định kỳ các định mức chi phí, thực hành tiết kiệm chi phí trong quá trình sản xuất kinh doanh, tăng sức cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của TCT.

Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng thu nhập cho người lao động.

Kế hoạch đầu tư phát triển

Trên cơ sở tình hình thực tiễn sản xuất kinh doanh năm 2013-2014 và dự báo xu hướng biến động kinh tế trong nước và thế giới trong năm 2015 và những năm tiếp theo, Tổng công ty điều chỉnh ***nhu cầu đầu tư giai đoạn 2015-2017*** theo nguyên tắc thận trọng, tập trung, đảm bảo nguồn vốn đầu tư dài hạn. Cụ thể, Tổng công ty sẽ tập trung rà soát, cơ cấu lại danh mục các khoản đầu tư phù hợp với năng lực hiện có của đơn vị; thực hiện thoái vốn đối với các dự án có hiệu quả thấp, tiếp tục tìm kiếm, lựa chọn các dự án có hiệu quả để nghiên cứu đầu tư trong tương lai khi đủ điều kiện.

Kế hoạch tái cơ cấu Tổng công ty

Tổng công ty đã có kế hoạch tái cấu trúc lại công ty liên kết, liên doanh để tập trung nguồn lực đầu tư phát triển vào lĩnh vực ngành nghề chính là ưu thế của Tổng công ty. Trong đó: (1) tập trung vào những công ty liên doanh liên kết có tiềm lực mạnh, có hiệu quả cao, hoạt động ổn định, đã tạo được uy tín và thương hiệu trên thị trường; (2) giảm dần tỷ lệ vốn tham gia, thoái vốn tại các công ty có tỷ trọng vốn góp quá nhỏ, các công ty hoạt động kinh doanh kém hiệu quả; (3) Nghiên cứu góp vốn vào các dự án đầu tư hoặc mua cổ phần của các công ty hoạt động cùng ngành nghề kinh doanh chính hoặc có tiềm năng hỗ trợ, phát triển ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty.

Kế hoạch cơ cấu của Tổng công ty trong thời gian tới như sau:

Theo phương án thoái vốn của Tổng công ty được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt 3051/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 25/12/2013 và phương án điều chỉnh, bổ sung theo quyết định số 3786/QĐ-BNN-QLDN ngày 04/9/2014 về việc thoái vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, và tờ trình bổ sung Tổng công ty đã trình Bộ Nông nghiệp và PTNT trong tháng 11/2014, cụ thể:

Các doanh nghiệp sẽ thực hiện thoái toàn bộ vốn gồm:

- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau quả Hải Phòng.
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Hưng Yên.
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Bắc Giang.
- Công ty Cổ phần Nông lâm sản Hà Tĩnh.
- Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Kiên Giang.
- Công ty Liên doanh TNHH LUVECO.

Các đơn vị giảm tỷ lệ vốn góp gồm:

- Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao.
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau quả Thanh Hóa.

Trong quá trình sau cổ phần hóa, Tổng công ty cổ phần sẽ vẫn tiếp tục rà soát và điều chỉnh cơ cấu danh mục và tỷ trọng đầu tư tại các đơn vị liên doanh liên kết và đầu tư mới cho phù hợp với mục tiêu đề ra.

Chuyển đổi và thành lập mới như sau:

- Chuyển đổi công ty Giống Rau quả Trung ương thành Công ty Cổ phần Giống rau quả Trung ương
- Chuyển đổi Công ty chế biến Điều và Nông sản Vegetexco thành Công ty Cổ phần chế biến Điều và Nông sản Vegetexco
- Thành lập Công ty Cổ phần khách sạn Vegetexco trụ sở tại số 58 Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm Hà nội

Chuyển đổi Công ty Chipgood – Vegetexco thành Công ty Cổ phần Chipgood – Vegetexco

6. Các dự án dự kiến đầu tư sau cổ phần hóa

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XDCB và MUA SẴM THIẾT BỊ 2014-2017
(dự kiến tại PA_CPH)

STT	Dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư/Đại diện CĐT	Hình thức đầu tư (mới, mở rộng, cải tạo, ...)	Quy mô đầu tư (công suất, năng lực,...)	Thời gian đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
1	Dự án Nâng cấp cải tạo trụ sở 58 Lý Thái Tổ thành khách sạn VEGETEXCO (Dự án đã duyệt, đang triển khai thực hiện).	58 Lý Thái Tổ, Hà Nội	Tổng công ty	Cải tạo nâng cấp	Tương đương khách sạn 3 sao	1 năm	38,80
2	Nghiên cứu tiền khả thi đầu tư nhà máy chế biến Rau quả, đông lạnh (Tiếp tục nghiên cứu đầu tư).	Hưng Yên, Hà Nội	Tổng công ty	Cải tạo nâng cấp và đầu tư mới	5000 TSP/năm (chế biến rau quả 3000 tấn; đông lạnh 2000 tấn)	2,5 năm	45,00
3	Nghiên cứu tiền khả thi Xây dựng tòa nhà hỗn hợp bao gồm trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê (Khảo sát kêu gọi đầu tư).	02 Phạm Ngọc Thạch, Hà Nội	Tổng công ty	Đầu tư mới	9 tầng	3 năm	148,00

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

4	Nghiên cứu tiền khả thi Xây dựng nhà chung cư Cầu Tiên (tòa nhà hỗn hợp, Khảo sát kêu gọi đầu tư).	Hoàng Mai, Hà Nội	Tổng công ty	Đầu tư mới	15 tầng	2,5 năm	130,00
5	Nghiên cứu tiền khả thi Cải tạo nâng cấp kho Cầu Diễn (Tiếp tục n/c đầu tư).	Cầu Giấy, Hà Nội	Tổng công ty	Cải tạo nâng cấp	5000 m ²	1,5 năm	25,00
6	Cải tạo 2 tầng nhà 2 tầng thành cửa hàng chuyên doanh rau và TP an toàn	Số 2 Phạm Ngọc Thạch	Công ty Giống Rau quả TW	Cải tạo, nâng cấp	200m ²	1 năm	5,00
7	Nghiên cứu tiền khả thi phát triển chuỗi của hàng chuyên doanh rau và TP an toàn (Trên cơ sở phát triển điểm bán hàng số 02 Phạm Ngọc Thạch)	Hà Nội	Công ty Giống Rau quả TW	mới	5-10 điểm	3 năm	5-10
8	Nghiên cứu tiền khả thi Kho chứa hàng và bãi xe CONTAINER - Thường Tín - Hà Nội (giai đoạn 1). Khảo sát khả năng liên kết hợp tác với Công ty CP Vận tải và TM	Thường Tín - Hà Nội	Tổng công ty	Xây mới	GD1: 80 xe hoạt động và 450 tấn hàng hóa luân chuyển trong ngày	1 năm	15,00
9	Cải tạo nhà SX, nuôi trồng hoa Lan	Thường Tín	Công ty Giống Rau quả TW	Cải tạo nâng cấp	500m ² (30.000 cây)	1 năm	2,00
10	Xây dựng xưởng chế biến giống	Thường Tín	Công ty Giống Rau quả TW	Đầu tư xây mới	300m ² (100tấn/năm)	1 năm	5,00
11	Cải tạo, lắp đặt dây chuyền sản xuất rau an toàn	Thường Tín	Công ty Giống Rau quả TW	Cải tạo, Đầu tư	1.000m ² nhà lưới	1 năm	1,50
12	Nồi hơi + cải tạo lò sấy, lò hấp... (hệ thống)	Chơn Thành, Bình Phước	Vegetexco BP	Đầu tư mới	1 bộ	1 năm	1,00
13	Máy chế	Chơn Thành, Bình Phước	Vegetexco BP	Đầu tư mới	4 dàn	3 năm	1,76
14	Xe nâng	Chơn Thành, Bình Phước	Vegetexco BP	Đầu tư mới	2 xe	1 năm	1,00
15	Máy chà vỏ lụa	Chơn Thành, Bình Phước	Vegetexco BP	Đầu tư mới	2 máy	1 năm	0,50
16	Máy rà kim loại	Chơn Thành,	Vegetexco BP	Đầu tư mới	1 máy	1 năm	0,40

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

		Bình Phước					
17	MMTB chế biến điều rang muối	Chơn Thành, Bình Phước	Vegetexco BP	Đầu tư mới		1 năm	0,10
18	Cải tạo nhà xưởng (khu máy chẻ)	Chơn Thành, Bình Phước	Vegetexco BP	Cải tạo		1 năm	1,00
19	Sửa chữa, cải tạo sân phơi	Chơn Thành, Bình Phước	Vegetexco BP	Cải tạo		1 năm	3,00
	Cộng						424,06

○ Do tình hình kinh tế trong và ngoài nước còn khó khăn, Tổng công ty tập trung cho công tác tái cơ cấu và chuyển đổi, nên các kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản lớn tạm hoãn lại cho để chuẩn bị phù hợp với điều kiện thực tế và không chủ quan nóng vội trong đầu tư. Các kế hoạch đầu tư sửa chữa và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ trực tiếp cho sản xuất thường xuyên tại Công ty Chế biến điều và Nông sản Vegetexco vẫn được tiến hành bình thường phục vụ cho sản xuất.

7. Một số biện pháp triển khai cơ bản

Cơ cấu lại doanh nghiệp sau khi chuyển thành công ty cổ phần

Trên cơ sở hoạt động kinh doanh của Tổng công ty Rau quả Nông sản – Công ty TNHH 1TV, sau khi chuyển hoạt động theo mô hình cổ phần, Tổng công ty tiếp tục kế thừa, phát huy các thế mạnh sẵn có về sản phẩm, thị trường, công nghệ, quản trị trước đây và tiếp tục rà soát, triển khai và bổ sung thêm các nội dung tái cơ cấu Tổng công ty theo phương án đã được Bộ Nông nghiệp & PTNT phê duyệt tại Quyết định số 1976/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 20 tháng 8 năm 2012, triển khai các kế hoạch thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao GTGT và phát triển bền vững (qđ số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013); Đề án nâng cao giá trị gia tăng hàng nông lâm thủy sản trong chế biến và giảm tổn thất sau thu hoạch (Qđ 1003/QĐ-BNN-CB ngày 13/5/2014) để hoạt động của Tổng công ty ngày càng hiệu quả với các nội dung như:

- Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD giai đoạn 2011-2014 của Tổng công ty, xây dựng kế hoạch SXKD giai đoạn 2015-2017.

- Xây dựng bộ máy quản lý, điều hành năng động, linh hoạt, sáng tạo, tạo động lực thúc đẩy toàn Tổng công ty phát triển.

- Tổ chức lực lượng lao động có trình độ quản lý chắc, chuyên môn vững, tay nghề cao, phát triển nguồn nhân lực có trình độ đại học, trên đại học đáp ứng được những yêu cầu mới của sản xuất kinh doanh. Tạo điều kiện cho người lao động nâng cao thu nhập, ngày càng gắn kết với Tổng công ty. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

- Rà soát thường xuyên để tối ưu hoá hệ thống sản xuất, kinh doanh; mở rộng thị trường, lĩnh vực hoạt động để khai thác hết tiềm năng của đơn vị; khẳng định thương hiệu và tạo bước đột phá về chất lượng trong Tổng công ty; sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao, đảm bảo cổ tức cho cổ đông.

- Tiếp tục đầu tư các dự án tiềm năng được đánh giá khả thi và có hiệu quả để khai thác hợp lý, tối đa các nguồn lực về đất đai, tài chính, ... tại Tổng công ty một cách tối ưu.

Sắp xếp lại Bộ máy tổ chức trong doanh nghiệp và phát triển nguồn nhân lực.

- Đào tạo và đào tạo lại nhân sự; xây dựng chương trình đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn- nghiệp vụ -kỹ thuật, công nhân lành nghề đáp ứng sự phát triển của Tổng công ty cổ phần; khuyến khích cán bộ nhân viên học tập nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, ngoại ngữ, tin học.

- Xây dựng quy trình, quy định khi có nhu cầu tuyển dụng, phải tổ chức thi tuyển để lựa chọn nhân sự đạt tiêu chuẩn phù hợp với vị trí tuyển dụng; xây dựng cơ chế, chính sách rõ ràng để giữ và thu hút cán bộ giỏi, công nhân lành nghề có nhiều kinh nghiệm, gắn bó, làm việc lâu dài, nhất là chính sách về tiền lương, thưởng và cơ hội thăng tiến.

- Nâng cao năng lực quản trị cho các cán bộ quản lý từ lãnh đạo Tổng công ty, trưởng phó phòng ban đến người quản lý vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác.

Cụ thể một số giải pháp:

- ***Ổn định và duy trì nguồn nhân lực hiện có***

+ Kiện toàn các quy chế, chính sách hiện đang áp dụng tại đơn vị, đảm bảo công bằng và hợp lý trong chi trả lương cho người lao động, tạo tính cạnh tranh trong việc thu hút nguồn lực bên ngoài và giữ chân nguồn lực bên trong.

+ Cải thiện môi trường làm việc.

+ Sắp xếp và ổn định lại nhân sự, đảm bảo bố trí nhân sự đúng người, đúng việc.

+ Cải tiến phương thức làm việc, giảm thiểu các công đoạn không tạo ra giá trị gia tăng, đảm bảo tính chuyên nghiệp cao trong môi trường làm việc.

+ Tiến hành công nghệ hóa các quy trình làm việc, áp dụng các phần mềm hiện đại để nâng cao hiệu quả công việc.

- ***Phát triển nguồn nhân lực***

+ Thực hiện các chính sách đãi ngộ, phúc lợi, khen thưởng hợp lý để tạo điều kiện gắn bó lâu dài của nhân viên với đơn vị.

+ Tạo môi trường làm việc năng động, thân thiện, chuyên nghiệp với một nét văn hoá riêng biệt của Vegetexco Vietnam, tạo mọi điều kiện làm việc thuận lợi cho người lao động để phát huy tính chủ động, sáng tạo, sự hứng khởi trong công việc, tạo tính

ạnh tranh lành mạnh trong từng vị trí công việc để người lao động phát huy tối đa năng lực của bản thân.

+ Xây dựng và phát triển các chính sách đề bạt - thăng tiến cho nhân viên tạo động lực phấn đấu và phát huy hết năng lực của mỗi cá nhân.

+ Tiến hành phân tích tình trạng nguồn nhân lực thường xuyên để đánh giá và cơ cấu lại sơ đồ tổ chức – hoạt động trong từng giai đoạn nhằm đảm bảo hệ thống luôn trong trạng thái hoạt động hiệu quả nhất, thích ứng với các thay đổi bên trong và bên ngoài đơn vị.

+ Xây dựng và phát triển mạnh các hoạt động phong trào như văn hóa, thể dục, thể thao.. phát huy sức mạnh của các tổ chức đoàn thể như công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ... để người lao động có cơ hội giao lưu, thắt chặt tính đoàn kết của tổ chức, học hỏi chuyên môn nghề nghiệp, cũng như vui chơi giải trí để tái tạo sức lao động.

- ***Chính sách tuyển dụng và thu hút nhân tài***

+ Tạo môi trường làm việc năng động, các chính sách đãi ngộ phúc lợi, tiền lương hấp dẫn nhằm thu hút các nguồn lực từ bên ngoài về làm việc

+ Phối hợp tuyển dụng với các công ty, tổ chức, trường Đại học... để tìm kiếm các ứng viên có năng lực; hỗ trợ đào tạo các ứng viên khi cần thiết

+ Sàng lọc kỹ nguồn lao động đầu vào để đảm bảo tuyển dụng được những nhân viên thật sự có khả năng, tâm huyết với công việc, nhiệt tình và sáng tạo, có hướng gắn bó lâu dài.

- ***Chính sách đào tạo***

+ Tiến hành đánh giá năng lực của từng nhân viên theo định kỳ ngoài trình độ chuyên môn còn phải trao đổi thêm về trình độ ngoại ngữ, nhằm xem xét khả năng của từng người để lên kế hoạch đào tạo hoặc tái đào tạo với mục đích nâng cao hơn nữa hiệu quả công việc của nhân viên.

+ Quy hoạch các nguồn lãnh đạo kế cận trong tương lai để có chiến lược đào tạo hợp lý để bổ sung vào hàng ngũ lãnh đạo trong tương lai.

+ Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nhằm phổ biến các kiến thức mới, các kiến thức về quản trị doanh nghiệp, cũng như phương thức làm việc hiện đại cho nhân viên.

+ Có định hướng rõ ràng về sự phát triển của công ty trong tương lai để tiến hành đào tạo các kiến thức đón đầu.

Giải pháp về sản phẩm và thị trường

Khai thác lợi thế ngành nghề sản xuất chính của Tổng công ty sản xuất, chế biến, kinh doanh-XNK rau quả, nông sản. Đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh đáp ứng nhu cầu tiêu dùng cả trong và ngoài nước.

Hướng định vị mà Tổng công ty theo đuổi cho sản phẩm/dịch vụ của mình là đưa sản phẩm/dịch vụ Vegetexco Vietnam thành sản phẩm có uy tín, chất lượng và giá cả cạnh tranh. Mục tiêu nhằm:

- Thỏa mãn nhu cầu ngày càng gia tăng của khách hàng thông qua việc cung cấp một cách tối ưu những sản phẩm có chất lượng cao và ổn định.
- Tạo ra những giá trị bền vững cho doanh nghiệp.
- Phân đấu chiếm lĩnh vị thế cạnh tranh trên thị trường nội địa và quốc tế thông qua hoạt động sản xuất, phân phối, bán hàng.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng biệt.

Sản phẩm và chiến lược sản phẩm

Xuất phát từ yêu cầu nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh cải tiến sản phẩm, đa dạng hóa mặt hàng kinh doanh sẽ là quyết định cho công ty kéo dài chu kỳ sống của sản phẩm và đáp ứng được ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường do vậy đa dạng hóa sản phẩm là cần thiết, quan trọng.

Về sản phẩm xuất khẩu: tới năm 2017 thì rau quả tươi, đồ hộp nước quả đông lạnh, rau quả sấy muối, hạt điều, gia vị và nông sản phẩm vẫn là những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Tổng công ty. Giai đoạn này Tổng công ty cũng sẽ thực hiện việc đa dạng hóa các sản phẩm (phát triển thêm các sản phẩm mới, nâng cao chất lượng của các sản phẩm cũ) để phù hợp với xu hướng phát triển và nhu cầu của thị trường.

Về sản phẩm nội tiêu: tập trung vào phát triển giống và vật tư ngành giống; hoa và vật tư ngành hoa, cung cấp rau quả tươi và thực phẩm an toàn; các loại rau quả chế biến phục vụ nội tiêu (đồ hộp, lạnh đông, chips, ...); nghiên cứu các sản phẩm giá trị gia tăng sản xuất từ điều nhân,...

Về chiến lược sản phẩm:

+ Luôn chú ý đến việc cải tiến chất lượng và thiết kế sản phẩm. Không tập trung vào sản phẩm chất lượng thấp, giá thấp; Tạo sự khác biệt sản phẩm và nâng cấp tính chuyên nghiệp thông qua đầu tư thích đáng cho nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng.

+ Đưa các tiêu chuẩn của Tổng công ty thích ứng với các tiêu chuẩn quốc tế và giảm những rủi ro liên quan đến sức khỏe đối với các sản phẩm nông nghiệp nhằm vượt qua hàng rào TBT và SPS, dễ dàng tiếp cận với các thị trường khó tính, thông qua việc tiếp cận với các loại chứng nhận SQF (Safe Quality Food), áp dụng các tiêu chuẩn của hệ thống GlobalGap, VietGap...

+ Xây dựng và phát triển thương hiệu: xây dựng chính sách và chế tài tài chính để đầu tư cho việc xây dựng, phát triển thương hiệu, bao gồm cả việc đăng ký thương hiệu và nhãn hiệu sản phẩm

Thị trường và chiến lược thị trường

Đối với thị trường xuất khẩu: xu hướng hội nhập cũng tạo điều kiện mở rộng thị trường và là điều kiện tốt để đẩy mạnh xuất khẩu.

Mục tiêu dài hạn là xuất khẩu rau quả, nông sản sang các nước vùng Bắc Mỹ-Canada và Hoa Kỳ cũng như khu vực EU.

Mục tiêu ngắn hạn là phát triển sang các nước Châu Á - Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc...

Căn cứ vào đặc điểm cụ thể và mức độ quan hệ của từng thị trường mục tiêu để xây dựng giải pháp, kế hoạch riêng (Chiến lược phát triển sâu thị trường truyền thống, Chiến lược mở rộng và chuyển dịch thị trường tiềm năng).

Đối với thị trường nội địa: công ty phát triển việc xây dựng hoặc liên kết xây dựng vùng sản xuất, đầu tư cho cơ sở chế biến. Các mặt hàng kinh doanh trong lĩnh vực nội tiêu có thể kể đến như rau quả tươi, an toàn; nước quả, nước giải khát; hạt giống rau và giống nông sản các loại; các sản phẩm làm đẹp chế biến sẵn từ rau quả nông sản; các sản phẩm chế biến từ rau quả, nông sản (rau quả, hạt điều, hạt tiêu...) ,...

Giải pháp về công nghệ

- Không ngừng áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh; trong công tác quản lý.

- Tổng công ty định hướng chuyên đổi cơ cấu sản phẩm theo nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, áp dụng công nghệ tiên tiến tạo ra sản phẩm chất lượng, sản xuất thân thiện với môi trường, phát triển bền vững.

Giải pháp về vốn .

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tài chính hợp lý và hiệu quả, cơ cấu lại vốn đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, thoái vốn đầu tư tại một số Công ty hoạt động kém hiệu quả để bảo đảm vốn cho nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư dài hạn; - Xây dựng và thường xuyên đánh giá, rà soát kế hoạch tài chính để đảm bảo cơ cấu sử dụng vốn, cơ cấu chi phí tối ưu trong sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;

- Tăng cường quản lý vốn của Tổng công ty đầu tư vào công ty con và công ty liên kết thông qua người đại diện phần vốn của Tổng công ty nhằm phát triển sản xuất, tăng hiệu quả đầu tư, tăng cổ tức.

Các biện pháp về tăng cường quản lý.

- Đảm bảo sự điều hành tập trung thống nhất, quy định trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng từng đơn vị, cá nhân để phát huy tính chủ động sáng tạo và tự chịu trách nhiệm, từ đó nâng cao hiệu quả công việc. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc đều hạch toán tập trung tại Tổng công ty.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các định mức khoán cho phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh và đặc điểm của Tổng công ty.

- Hoàn chỉnh các quy định về phân cấp quản lý điều hành của Tổng công ty xây dựng quy chế hoạt động để chính thức ban hành.

- Cử người trực tiếp quản lý vốn của Tổng công ty tại các Công ty con, giao nhiệm vụ và yêu cầu người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại Công ty con. Báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Tổng công ty.

- Tổng công ty cử người đại diện để thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ của cổ đông tại Công ty liên kết.

- Tạo cơ chế và tổ chức điều hành, quản lý phù hợp với tình hình mới trên cơ sở phát huy hết khả năng của từng thành viên trong tập thể, làm rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của từng người.

8. Một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2015 – 2017

Dựa vào tình hình kinh doanh trong quá khứ, Tổng công ty đưa ra dự báo các chỉ tiêu tài chính sau cổ phần hoá chính sách cổ tức của VEGETEXCO VIETNAM sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định trong các kỳ Đại hội cổ đông thường niên. Lợi nhuận sau thuế 2015-2017 căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh cụ thể dự kiến kế đạt được mục tiêu tỷ lệ chia cổ tức từ năm thứ hai sau cổ phần hóa. Tổng công ty dự kiến tỷ lệ cổ tức sẽ tăng cao hơn sau giai đoạn một số nội dung đầu tư, cải tạo nâng cao năng lực phát huy hiệu quả, tăng cường sắp xếp và tiết giảm chi phí quản lý, một số dự án khai thác cơ sở hạ tầng đi vào hoạt động.

Một số chỉ tiêu 3 năm sau cổ phần hóa

Khoản mục	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Sản lượng SXCN (điều nhân)	TSP	720	800	850
KNXNK	Tr USD	21,08	24,11	26,13
Tổng doanh thu	Tỷ VNĐ	516,43	602,01	677,24
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	37,31	43,81	48,68
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	37,31	43,81	48,68
Vốn điều lệ	Tỷ VNĐ	713	713	713
Tỷ lệ cổ tức hàng năm	%	-	5	5
Tỷ suất LN/Doanh thu	%	7,2	7,3	7,2
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	523	613	682

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Tỷ suất LN/VĐL	%	5,23	6,13	6,7
Tổng số lao động	Người	302	311	321
Quỹ tiền lương kế hoạch	Triệu đồng	28.099	30.283	32.820
Thu nhập bình quân	trđ/người/t háng	7,73	8,11	8,52

Nguồn: Phương án cổ phần hóa

Bảng số liệu trên được trích từ phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt. Trong đó kế hoạch năm 2015 của Công ty mẹ đã có sự điều chỉnh sau đánh giá tình hình diễn biến kinh tế trong và ngoài nước, tình hình thực hiện thực tế các tháng đầu năm 2015. Cụ thể đã điều chỉnh chỉ tiêu Công ty mẹ Tổng công ty: Doanh số còn 379 tỷ đồng, kinh doanh xuất nhập khẩu 16 triệu USD, lợi nhuận trước thuế 32 tỷ đồng.

THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng Công ty Rau quả Nông sản – Công ty TNHH một thành viên, được cung cấp cho các nhà đầu tư nhằm mục đích giúp các nhà đầu tư có thể tự đánh giá về tài sản, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và triển vọng của Tổng Công ty trong tương lai.

Các thông tin này không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phần. Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty cung cấp đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Vì Bản công bố thông tin được lập sau thời điểm Phương án cổ phần hóa được duyệt, do đó một số số liệu trong Bản công bố thông tin có cập nhật cho phù hợp với thực tế.

Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này, Quy chế bán đấu giá cổ phần và các tài liệu, nguồn thông tin có liên quan khác trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần của Tổng Công ty.

Hà Nội, ngày tháng 07 năm 2015

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY MẸ -TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN-CÔNG TY TNHH MTV
PHÓ TRƯỞNG BAN - CHỦ TỊCH HĐQT TỔNG CÔNG TY**

ĐINH VĂN HƯƠNG

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY MẸ TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN-CÔNG TY TNHH MTV
TỔNG GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN THANH BÌNH

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

NHỮ ĐÌNH HÒA